

# VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

■ TIÊN AN

Phòng PBGDPL, Sở Tư pháp

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rằng dân tộc Việt Nam có truyền thống tương thân, tương ái thì dù sinh sống ở đâu, cái nghĩa đồng bào vẫn là điểm trọng. Bác luôn nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc và hóa giải các tranh chấp, mâu thuẫn trong cộng đồng, trong Nhân dân. Thể hiện rõ và nêu cao tinh thần hòa giải, chúng ta thấy với Hoàng tộc nhà Nguyễn, ngay những ngày biến động lịch sử xảy ra vào tháng



(Nguồn: Ảnh sưu tầm)

8/1945, Bác Hồ đã thể hiện tinh thần hòa giải triệt để. Ngoài việc bảo đảm an toàn cho tất cả các quan chức của triều đình nhà Nguyễn, Bác đã cử ông Lê Văn Hiến - Bộ trưởng Bộ Lao động thay mặt Bác và Chính phủ vào Huế, đến tận Hoàng cung gặp vợ con Bảo Đại để thăm, động viên họ. Tinh thần hòa giải và sự quan tâm của Bác đã làm bà Nam Phương Hoàng hậu xúc động, biết ơn. Bà còn đứng ra tổ chức quyên góp và đóng góp trong “Tuần lễ vàng”, bằng cả tài sản của riêng mình. Chính sự hòa giải của Bác mà có đến 8 trong 10 vị của chính phủ Trần Trọng Kim, nội các của vua Bảo Đại đã đi theo cách mạng như các ông Phan Kế Toại, Phạm Khắc Hòe, Bùi Bằng Đoàn... Ngay khi Cách mạng tháng Tám thành công, Bác đã mời vua Bảo Đại và linh mục Lê Hữu Từ làm cố vấn tối cao. Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946 - 1955) lãnh đạo cuộc

kháng chiến 09 năm chống thực dân Pháp đến ngày toàn thắng có 18 bộ trưởng thì có đến 9 vị không phải Đảng viên Đảng Cộng sản (Huỳnh Thúc Kháng, Phan Kế Toại, Hoàng Minh Giám, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Vũ Đình Hòe, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Tố, Đặng Văn Hương), trong đó có nhiều vị quan lại cao cấp của chính quyền cũ. Quốc hội khóa I của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được nhân dân cả nước bầu năm 1946, trong số 333 đại biểu thì có đến 213 vị không phải là Việt Minh. Trong đó có nhiều người thuộc các đảng phái như Việt Quốc, Việt Cách hoặc các đảng viên của Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội. Nhiều vị đã có những đóng góp to lớn cho cách mạng từ những ngày còn trứng nước và kháng chiến gian khổ như Huỳnh Thúc Kháng, Vũ Đình Hòa, Đỗ Đức Dục, Tôn Thất Tùng,...

Cùng với cốt cách văn hóa của hòa giải mà ngay lúc đất nước vô vàn khó khăn thiếu thốn và gian khổ mà hàng loạt trí thức Việt Nam đang ở Pháp, nơi thanh bình hoa lệ đã về nước tham gia kháng chiến. Bắt đầu là bốn vị trí thức tiêu biểu theo Bác về nước khi Bác sang Pháp và ký Hiệp định ngày 06/3/1946: Trần Hữu Tước, Phạm Quang Lễ (Trần Đại Nghĩa), Võ Quý Huân, Võ Đình Huỳnh. Những năm sau đó là Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Nhị, Lương Định Của... đã tạo nên đội ngũ trí thức cách mạng, là cơ sở cho sự nghiệp chung chống Mỹ, cứu nước và xây dựng đất nước ngày nay.

Công tác hòa giải được thể hiện rõ hơn nữa, ngày 02/9/1945, nước Dân chủ Cộng hòa ra đời, trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, phức tạp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 63/SL ngày 22/11/1945 quy định về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp. Sắc lệnh quy định: Về tư pháp, Ban Thường vụ (Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký) có quyền hòa giải về tất cả các việc. Bác Hồ đã kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, đề cao việc tổ chức, giáo dục cán bộ nhân dân phát huy tinh thần tương thân tương ái, làm tốt công tác dân vận, thuyết phục quần chúng. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh số 254/SL ngày 19/11/1948 về chính quyền nhân dân trong thời kỳ kháng chiến. *“Ban Thường vụ Ủy ban kháng chiến hành chính xã hợp thành Ban Tư pháp xã có nhiệm vụ: Hòa giải về tất cả các công việc thuộc dân luật và luật thương mại trong phạm vi xã”*. Thực hiện quy định này, nhiều vụ việc tranh chấp, xích mích trong nhân dân lúc đó được chính quyền từ cấp xã quan tâm kịp thời phát hiện, xử lý ổn thỏa, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phục vụ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Công tác hòa giải góp phần quan trọng vào việc đoàn kết, tập hợp được nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở cán bộ,

đảng viên đoàn kết, tập hợp nhân dân, thu hút quần chúng vào sự nghiệp chung. Khi trong cộng đồng có những va chạm, xích mích, tranh chấp nhỏ, Người đòi hỏi cán bộ tư pháp không chỉ phân xử, giải quyết theo quy định chung mà phải đề cao việc giáo dục, thuyết phục các bên giữ gìn sự đoàn kết, bỏ qua tranh chấp, dàn xếp ổn thỏa. Người nhắc: *“Các cô, các chú xét xử đúng là tốt, nhưng nếu không phải xét xử thì càng tốt hơn”*.

Thấm nhuần tư tưởng “Đại đoàn kết” của Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước ta đã đề ra đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật nhằm duy trì, thúc đẩy công tác hòa giải ở cơ sở, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, từng bước đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi. Khẳng định vai trò của công tác hòa giải, ngày 25 tháng 2 năm 1998, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh số 09/1998/PL-UBTVQH10 về tổ chức và hoạt động của hòa giải ở cơ sở; đến năm 2013, Quốc hội đã ban hành Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20/6/2013. Qua đó, có thể thấy: hòa giải nhằm giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân có mối quan hệ biện chứng, hữu cơ với vấn đề củng cố, tăng cường mối đoàn kết gắn bó trong cộng đồng dân cư. Hòa giải tốt là tiền đề dẫn đến đoàn kết tốt. Ngược lại, đoàn kết tốt sẽ là cơ sở để tiến hành hòa giải tốt. Hòa giải là biện pháp, con đường tốt nhất để làm cho các tranh chấp, mâu thuẫn, xích mích nói như dân gian đang từ “to” hóa “nhỏ”, đang từ nhỏ hóa không còn, không để *“cái sảy nảy cái ung”*, góp phần làm cho mối quan hệ gắn bó, đoàn kết trong nhân dân ở địa phương, cơ sở được củng cố. Mối quan hệ gia đình, họ tộc, hàng xóm không bị sút mẻ, đổ vỡ nếu tự các bên tranh chấp đều có ý thức hàn gắn, thỏa thuận được với nhau hoặc có người trung gian, hòa giải vụ việc, không phải đưa nhau ra Tòa án hay cơ quan công quyền để phân xử. Quan hệ ứng xử *“một câu nhin, chín câu lành”*, *“lọt sàng xuống nia”*, *“máu chảy ruột mềm”*, *“một con*

*ngựa đau cả tàu bỏ cỏ*”,... được nhân rộng trong cộng đồng thông qua công tác hòa giải ở cơ sở sẽ làm cho xã hội Việt Nam hôm nay giữ gìn được bản sắc văn hóa truyền thống của ông cha ngàn đời lưu truyền lại. Điều đó khác hẳn với lối ứng xử thực dụng, “*sòng phẳng*” hoặc vô tâm “*mũ ni che tai*”, “*cháy nhà hàng xóm, bình chân như vại*”,... Hòa giải giúp duy trì và khơi dậy tình người, tình cha con, mẹ con, tình vợ chồng, anh em, họ tộc, cộng đồng để bị lung lay, sa sút trước tác động của mặt trái cơ chế thị trường. Có thể nói, hòa giải ở cơ sở thực sự có vai trò to lớn trong việc đoàn kết nội bộ nhân dân, phát huy truyền thống dân tộc có từ lâu đời.

Ngày nay, *Hòa giải ở cơ sở* là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở. Công tác hòa giải ở cơ sở có vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, có thể nói đây là một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả. Bởi hòa giải thành sẽ hàn gắn và khôi phục tình cảm giữa các bên tranh chấp, giúp duy trì mối quan hệ đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng dân cư. Do đó, hòa giải ở cơ sở là chỗ dựa cho việc tổ chức một xã hội đoàn kết, hòa hợp, đồng thuận, người dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, tạo tiền đề cho ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Vì lẽ đó hòa giải ở cơ sở không chỉ là phương thức giải quyết tranh chấp có hiệu quả mà còn là một phương thức phổ biến giáo dục pháp luật thiết thực, nhằm giữ gìn, duy trì đoàn kết trong nội bộ nhân dân; phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng và nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật trong cộng đồng dân cư; hướng tới xây dựng một xã hội đồng thuận, đoàn kết, cùng thực hiện những nhiệm vụ cách mạng do Đảng và Nhà nước đề ra. Đảm bảo các nguyên tắc cơ bản về tổ chức, hoạt động hòa

giải ở cơ sở quy định tại Điều 4 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 “*Bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự*”.

Bên cạnh đó, hoạt động hòa giải ở cơ sở luôn gắn với công tác dân vận. Hòa giải viên ở cơ sở là người gần dân, sát dân, hiểu được tâm tính, hoàn cảnh, điều kiện của từng hộ dân; việc hòa giải phải có lòng kiên nhẫn và sự nhiệt tình. Nhiều vụ việc không chỉ hòa giải một lần là đã thành công, mà phải đi lại nhiều lần, lựa lời hỏi han, chia sẻ, để các bên cùng lắng nghe, thấu hiểu, dần dần hóa giải được mâu thuẫn, nhận lại quả ngọt chính là sự tin yêu, quý mến của bà con lối xóm. Thông qua hoạt động hòa giải, bằng kinh nghiệm của hòa giải viên, họ phân tích, giải thích cho các bên hiểu về những giá trị cốt lõi của đạo đức con người; nắm được được tâm tư, nguyện vọng của dân, từ đó tham mưu lại cho chính quyền, cho Đảng những giải pháp căn cơ để xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách phù hợp, “*ý Đảng - lòng Dân*”. Chính vì vậy, việc sử dụng kỹ năng “*dân vận khéo*” đã được nhiều hòa giải viên ở cơ sở áp dụng trong quá trình hòa giải, họ quan niệm mình là sợi dây kết nối giữa Đảng với người dân. Qua đó, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, để nâng cao nhận thức pháp luật và xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật trong Nhân dân, hướng mọi người tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và cùng chung sức, đồng lòng xây dựng, phát triển quê hương, đất nước giàu mạnh và đoàn kết, như lời dạy của Bác: “*Không đoàn kết thì suy và mất. Có đoàn kết thì thịnh và còn. Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà*”.

T.A

# NGÀNH TƯ PHÁP THỪA THIÊN HUẾ - 33 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

■ NGUYỄN VĂN HUNG  
Giám đốc Sở Tư pháp

Cùng với không khí tung bừng kỷ niệm 78 năm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2023), Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2023), Ngành Tư pháp cả nước cũng phấn khởi đón chào Ngày Truyền thống Ngành Tư pháp (28/8/1945 - 28/8/2023). Với bề dày 78 năm xây dựng và trưởng thành (28/8/1945 - 28/8/2022), trải qua nhiều biến cố, thăng trầm của lịch sử, công tác Tư pháp đã không ngừng phát triển, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng, đóng góp không nhỏ vào thắng lợi chung của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tại địa phương, ngày 30 tháng 6 năm 1982, Sở Tư pháp tỉnh Bình Trị Thiên được thành lập theo Quyết định số 854/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên. Cùng với Sở, Phòng Tư pháp cấp huyện, Ban Tư pháp cấp xã cũng được Ủy ban nhân dân các cấp thành lập. Ngày 30 tháng 6 năm 1989, khi tỉnh Bình Trị Thiên chia tách, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập theo Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 07/02/1990 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, mặc dù chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế đã có nhiều thay đổi, biến động, nhưng trong bất kỳ thời điểm nào, Sở Tư pháp tỉnh vẫn luôn tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành tốt, xuất sắc các nhiệm vụ công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh trên tất cả các lĩnh vực.... Trải qua 33 năm hình thành, xây dựng và phát triển, cán bộ, công chức, viên chức các thể hệ ngành Tư pháp Thừa Thiên Huế đã luôn khắc ghi và phấn đấu thực hiện theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tư



pháp là cơ quan trọng yếu của chính quyền. Tư pháp nghĩ cho cùng là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân. Phải tăng cường luật pháp dân chủ, cố gắng làm cho luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn. Phải nêu cao gương phụng công, thủ pháp, nêu cao lẽ công bằng, chí công vô tư; phải gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân. Giúp dân, học dân là để giúp mình thêm liêm khiết, thêm công bằng”, xem đây là kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển của ngành Tư pháp Việt Nam, là nền tảng để từ đó, phát huy mạnh mẽ tinh thần, trách nhiệm, nỗ lực, học tập không chỉ về chuyên môn, nghiệp vụ mà còn tôi tuyền tu tưởng để hình thành nên cốt cách, tác phong của người cán bộ tư pháp cách mạng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phát triển của tỉnh nhà, của đất nước trong tình hình mới.

Mặc dù Ngành Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế đã trải qua không ít khó khăn, thách thức, ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ chính trị như: Thiên tai, dịch bệnh, sự chuyển giao giữa các thời kỳ, biến động về kinh tế,... Tuy nhiên, với sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của tập thể Lãnh đạo Sở, sự đoàn

kết, sáng tạo, đồng lòng quyết tâm, Ngành Tư pháp tỉnh nhà đã vượt qua những khó khăn, bám sát nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt các lĩnh vực và đã đóng góp cho địa phương trên nhiều mặt công tác, cụ thể như: Thẩm định và đóng góp ý kiến vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp đã đảm bảo hoàn thiện thể chế, đẩy nhanh quá trình cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân. Công tác theo dõi, xử lý vi phạm hành chính đã tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và giảm thiểu, ngăn ngừa các vi phạm hành chính trên địa bàn. Đổi mới, sáng tạo trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin song song với hình thức truyền thống (*phát triển các mô hình cuộc thi trực tuyến; tuyên truyền thông qua mạng xã hội zalo, facebook; xây dựng đội ngũ hòa giải viên - tuyên truyền viên trở thành lực lượng nòng cốt tại tuyến cơ sở*). Xã hội hóa mạnh mẽ các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp (*mở rộng mạng lưới về số lượng, nâng cao về chất lượng các tổ chức công chứng, đấu giá tài sản, luật sư, thừa phát lại,...*) đảm bảo yêu cầu phục vụ nhu cầu thiết yếu của tổ chức, cá nhân. Tăng cường các hoạt động trợ giúp pháp lý nhằm đảm bảo tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân, thể hiện vai trò của mình trong phong trào thi đua “*Ngành Tư pháp chung tay vì người nghèo - không để ai bỏ lại phía sau*”. Đặc biệt cùng với các địa phương trên cả nước, công tác số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử đã được Ngành Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế gấp rút triển khai thực hiện với phương châm “*đúng, đủ, sạch, sống*” để đưa vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc sử dụng và góp phần hoàn thiện Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc theo đúng tiến độ, thời gian,... Nhìn chung, Ngành Tư pháp đã hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu do Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ công tác tư pháp đã đóng góp tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng,

trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; đóng góp vào công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Không chỉ nỗ lực trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, Ngành Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế còn có những bước khẳng định vị trí trên các mặt văn hóa - văn nghệ - thể dục - thể thao của tỉnh nhà. Mặc dù lực lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tuy không quá nhiều so với những ngành, cơ quan khác, tuy nhiên, Ngành Tư pháp đã luôn tham gia đầy đủ, nhiệt tình, chủ động triển khai các hoạt động thiết thực vào hầu hết các phong trào do cơ quan, đoàn thể cấp Trung ương, địa phương phát động, tổ chức như: Đề án “*Chủ nhật xanh*” - góp phần để làm Thừa Thiên Huế trở nên xanh, sạch, sáng; Hiến máu tình nguyện; Các giải thi đấu Cầu lông - Bóng bàn - Đá bóng - Bơi lội - Điền kinh; các Hội thi Văn hóa biểu diễn văn nghệ - tôn vinh nét đẹp người lao động,... Đặc biệt là sự vận động toàn thể lực lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia tích cực các Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật do Ban Tuyên giáo trung ương, Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba, được Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng nhiều Bằng khen và Cờ đơn vị thi đua xuất sắc cho Sở, các phòng đơn vị, cá nhân thuộc Sở,...). Đặc biệt,

(xem tiếp trang 8)



# THỪA THIÊN HUẾ - NHÌN LẠI 10 NĂM ĐƯA LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ ĐI VÀO CUỘC SỐNG

■ PHAN BÁ MỸ  
Trưởng phòng PBGDPL, Sở Tư pháp

*Hòa giải ở cơ sở là phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, xung đột xã hội do các bên mâu thuẫn, tranh chấp thực hiện với sự hướng dẫn, giúp đỡ của hòa giải viên ở cơ sở. Tại Việt Nam, hòa giải ở cơ sở đã được hình thành ngay từ thời kỳ phong kiến và được củng cố, phát triển từ thế kỷ này sang thế kỷ khác. Đến nay, Đảng, Nhà nước ta tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhằm không ngừng thúc đẩy công tác hòa giải ở cơ sở ngày càng hiệu quả, đi vào thực chất và đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước trong tình hình mới.*

Hòa giải ở cơ sở có vai trò, ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta. Nhận thức được vị trí của công tác này, trong thời gian qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã luôn quan tâm, chú trọng chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thị xã, thành phố Huế tăng cường thực hiện các giải pháp để đưa hoạt động hòa giải ở cơ sở ngày càng đi vào thực chất, nề nếp và phát huy hiệu quả.

Nhằm đảm bảo các quy định về hòa giải ở cơ sở được tuyên truyền sâu, rộng đến với các tầng lớp Nhân dân, trong 10 năm qua, Hội đồng Phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) cấp tỉnh, cấp huyện đã tổ chức hơn 300 đợt tuyên truyền, trong đó có các nội dung liên quan về hòa giải ở cơ sở với trên 70.000 lượt Nhân dân tham dự. Biên soạn, phát hành hàng trăm ngàn



*Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh kiểm tra 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 tại Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền*

Tờ gấp pháp luật, sách, bản tin pháp luật nhằm cung cấp các kiến thức, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho các hòa giải viên, cũng như các tin tức, hình ảnh, bài viết giới thiệu về Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn có liên quan; các tình huống giải đáp pháp luật, câu chuyện, tiểu phẩm pháp luật với các chủ đề liên quan đến lĩnh vực về dân sự, hôn nhân và gia đình, trật tự xã hội,... liên quan đến công tác hòa giải ở cơ sở được đăng tải thường xuyên trên Trang Thông tin điện tử Sở, Trang Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, đặc biệt là các tình huống ngắn được thể hiện dưới dạng video motion trên Trang Fanpage Pháp luật với Cuộc sống,... Với sự tích cực, kịp thời trong công tác truyền thông, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở đã bước đầu nâng cao nhận thức của Nhân dân ở cơ sở về vị trí, vai trò và ý nghĩa quan trọng của công tác hòa giải ở cơ sở.

Bên cạnh đội ngũ tập huấn viên và hòa giải viên ở cơ sở là lực lượng nòng cốt, luôn được

quan tâm, bồi dưỡng, tỉnh Thừa Thiên Huế cũng xác định đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách, tham mưu công tác hòa giải của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, địa phương là lực lượng quan trọng, góp phần quan trọng quyết định đến chất lượng của hoạt động hòa giải. Cùng với việc tổ chức các buổi Hội thảo, Tọa đàm, Hội nghị nhằm mục đích thông tin tình hình thực hiện, thực trạng triển khai hòa giải ở cơ sở, tạo diễn đàn để trao đổi hai chiều về các vấn đề liên quan đến quản lý Nhà nước, nêu ra những tồn tại, hạn chế, để từ đó đưa ra những biện pháp tháo gỡ khó khăn kịp thời; Hội đồng PBGDPL hai cấp cũng luôn tạo điều kiện, khen thưởng, tuyên dương kịp thời nhằm động viên, khích lệ tinh thần đối với đội ngũ này. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở.

Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp đã tích cực tham gia và có những đóng góp đáng kể cho công tác hòa giải ở cơ sở. Đặc biệt, từ sau khi Nghị quyết liên tịch số 01/2014/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở được ban hành, Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn đã phối hợp với công chức Tư pháp - hộ tịch hướng dẫn các thôn, xóm, tổ dân phố thực hiện việc bầu hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định; tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên, hội viên của tổ chức mình làm hòa giải viên hoặc tham gia trực tiếp hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú; động viên nhân dân tích cực sử dụng biện pháp hòa giải ở cơ sở như là biện pháp ưu tiên trong giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn; gắn hoạt động hòa giải ở cơ sở với các phong trào, cuộc vận động tại cộng đồng dân cư như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào

“Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa”, phong trào “Bảo vệ an ninh tổ quốc, trật tự an toàn xã hội”, phong trào “Xây dựng nông thôn mới”... Cùng với việc phối hợp kiểm tra hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ hòa giải viên, cán bộ làm công tác hòa giải ở cơ sở về kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đã góp phần nâng cao hoạt động hòa giải ngày càng hiệu quả, mang lại ý nghĩa thiết thực về an ninh, trật tự an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư.

Nhìn chung, đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo về số lượng, chất lượng, tỉ lệ hòa giải viên nam - nữ<sup>1</sup>, đồng thời đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác hòa giải ở cơ sở. Các hòa giải viên trước đây khi tham gia hòa giải còn chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình, đến nay, khi tham gia hòa giải, hòa giải viên thực hiện trách nhiệm hơn, kỹ năng thực hiện một quy trình hòa giải được nâng cao, nghiên cứu giải quyết thấu tình, đạt lý, tạo được sự đồng thuận của các bên cao hơn, nhờ đó số vụ việc hòa giải thành tăng cao. So với giai đoạn 2014 - 2018, giai đoạn 2019 - 2022 số vụ việc hòa giải ở cơ sở giảm trên 26% (cụ thể: giai đoạn 2014 - 2018, trung bình mỗi năm tiếp nhận 1.100 vụ việc; giai đoạn 2019 - 2022, trung bình mỗi năm tiếp nhận 874 vụ việc). Những con số này đã cho thấy, các hòa giải viên đã cơ bản phát huy được vai trò, trách nhiệm trong công tác hòa giải; nhiều vụ việc tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân đã được giải quyết kịp thời; không để kéo dài, hạn chế đáng kể tình trạng khiếu và khiếu kiện vượt cấp. Những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân

<sup>1</sup>Tính đến tháng 7/2023, toàn tỉnh hiện có 1.106 tổ hòa giải, với 6.598 hòa giải viên. Trong đó hòa giải viên nữ là 1.592 người (chiếm 24,12%); số hòa giải viên có chuyên môn Luật là 157 người; số hòa giải viên đã được tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là 4.943 người (chiếm 74,91%). Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải từ trong 10 năm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế là 11.176 vụ, việc, trong đó có 8.988 vụ việc hòa giải thành (chiếm 80,42%).

dân trên địa bàn được quan tâm nên những năm qua trên địa bàn tổ không có điểm nóng về đơn thư, khiếu nại tố cáo, tình làng nghĩa xóm luôn gắn kết bền chặt; an ninh trật tự được giữ vững, hình thành ý thức “*Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật*” trong cộng đồng dân cư, tiết kiệm được thời gian, tiền của, công sức của chính quyền và nhân dân.

Qua 10 năm đưa Luật Hòa giải ở cơ sở vào thực tiễn, các cơ quan, địa phương nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của mình trong công tác hòa giải ở cơ sở, chủ động trong việc ban hành chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện. Chế độ, chính sách liên quan đến công tác này ngày càng được quan tâm, thực hiện đúng quy định; nguồn lực (nhân lực, vật lực và kinh phí) được đầu tư năm sau cao hơn năm trước; các cơ quan, địa phương quan tâm đúng mức về chế độ, chính sách đối với người làm công tác hòa giải ở cơ sở. Việc triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh

trong thời gian qua đã tác động tích cực đến đời sống xã hội, đã xây dựng cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện, vững chắc cho hoạt động hòa giải ở cơ sở đi vào nề nếp, thống nhất và hoạt động có hiệu quả, tạo bước chuyển biến trong công tác hòa giải ở cơ sở, hầu hết các tổ hòa giải đã được kiện toàn bảo đảm đúng quy định, chất lượng hòa giải được nâng lên.

Nhìn chung, với sự chuyển biến về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đội ngũ hòa giải viên tại địa phương, công tác hòa giải ở cơ sở sẽ tiếp tục là công cụ hỗ trợ đắc lực cho chính quyền địa phương trong việc giải quyết trực tiếp những vụ việc vi phạm pháp luật, tranh chấp nhỏ trong nhân dân, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, hạn chế đơn thư, khiếu nại vượt cấp; góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước trong giai đoạn mới hiện nay./.

P.B.M

## NGÀNH TƯ PHÁP THỪA THIÊN HUẾ... *(tiếp theo trang 5)*

trong các năm 2022 - 2023, Sở Tư pháp đã liên tục nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và 10 năm hưởng ứng Ngày pháp luật; thành tích xuất sắc trong 06 năm triển khai thực hiện Luật Hộ tịch; thành tích xuất sắc trong 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua chuyên đề “*Đoàn kết, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, vượt khó, thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao*” năm 2022; đóng góp tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình xây dựng, phát triển của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật,... Những kết quả trên chính là sự đánh giá, ghi nhận tiêu biểu của cấp Trung ương đối với quyết tâm và phấn đấu của tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp tỉnh. Đó cũng là nguồn động lực cũng như sự khuyến khích kịp thời dành cho những nỗ lực của Ngành Tư pháp tỉnh thời gian qua.

*\*\*\* Cũng trong dịp này, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế đã tổ chức Tọa đàm kỷ niệm 78 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp và 33 năm thành lập ngành Tư pháp Thừa Thiên Huế, nhằm giao lưu, gặp mặt, ôn lại truyền thống giữa cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Trong không khí xúc động và ấm áp của buổi Tọa đàm, thay mặt Lãnh đạo Sở, đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Giám đốc Sở đã gửi lời tri ân sâu sắc đến các đồng chí nguyên Giám đốc, Phó Giám đốc các thời kỳ trước đã cống hiến, xây dựng nền móng để các thế hệ ngày nay có một nền tảng vững chắc để tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được. Với vai trò là người Lãnh đạo đương nhiệm, đồng chí cũng gửi gắm mong muốn của bản thân đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sẽ tiếp tục cống hiến, chia sẻ cùng đồng chí để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị, xứng đáng với vai trò, vị thế của Ngành Tư pháp trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh Thừa Thiên Huế.*

N.V.H

# NGÀNH TƯ PHÁP - “MẮT XÍCH” QUAN TRỌNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2022 - 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 TẠI ĐỊA PHƯƠNG

■ TRẦN THỊ TUYẾT

*Phòng Hành chính Tư pháp, Sở Tư pháp*

Ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã chính thức ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (gọi tắt là Đề án 06). Đề án có phạm vi và tầm ảnh hưởng rộng tới nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và tất cả các địa phương từ cấp tỉnh đến cấp xã, được Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt. Một trong năm nhóm tiện ích cụ thể của Đề án 06 có liên quan mật thiết đến hoạt động của ngành Tư pháp là ứng dụng dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Cùng với các ngành, các cấp, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngành Tư pháp đã chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo gắn với nhiệm vụ của ngành để triển khai có hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ được nêu tại Đề án và Công điện số 104/CD-TTg ngày 29/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo dữ liệu, thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được đăng ký chính xác, đúng quy định pháp luật, đồng bộ, thống nhất với thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Giai đoạn triển khai Đề án 06 trong năm 2022, Sở Tư pháp đã ban hành 13 Công văn chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện và phối hợp Công an tỉnh tăng cường chỉ đạo UBND cấp huyện nhằm triển khai có hiệu



*Sở Tư pháp tập huấn triển khai 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông tại thị xã Hương Trà*

quả Đề án 06 của tỉnh, trong đó chú trọng công tác xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và đăng ký hộ tịch trực tuyến.

*Tổ chức thực hiện dịch vụ công thiết yếu có hiệu quả:* Thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn, cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến theo chỉ đạo của Bộ Tư pháp. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành tích hợp, kết nối, liên thông dữ liệu giữa Công dịch vụ công quốc gia/Hệ thống dịch vụ công của tỉnh với Hệ thống Quản lý hộ tịch điện tử, Hệ thống thông tin Lý lịch tư pháp đối với các TTHC thiết yếu theo yêu cầu tại Đề án 06.

Đã đưa 06 dịch vụ công<sup>1</sup> thiết yếu thuộc lĩnh

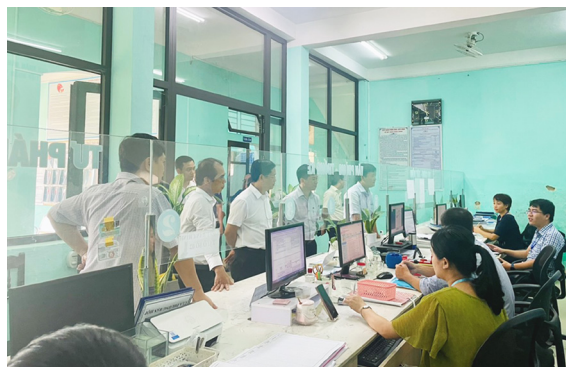
<sup>1</sup> 06 dịch vụ công bao gồm: (1) Đăng ký khai sinh, (2) Đăng ký khai tử, (3) Đăng ký kết hôn, (4) Cấp

vực Tư pháp thực hiện trên môi trường điện tử, mang lại nhiều tiện lợi cho người dân và doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện, Sở Tư pháp tổ chức biên soạn, biên tập và thực hiện giải đáp 135 tình huống về TTHC liên quan nhiều lĩnh vực. Thực hiện đầy đủ việc công khai TTHC theo quy định trên Cổng dịch vụ công tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và niêm yết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp hiện nay là 129 TTHC. Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh trong việc tiếp nhận giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, từ 01/01/2023 đến nay, Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp đã tiếp nhận 10.717 hồ sơ TTHC một cửa và một cửa liên thông, trong đó: 10.601 hồ sơ đã giải quyết trước và đúng thời gian (đạt tỷ lệ 98,9 %).

*Từng bước xây dựng dữ liệu hộ tịch điện tử hoàn thiện:* Cơ sở dữ liệu hộ tịch từ năm 1977 đến trước ngày 01/02/2018 được lưu trữ tại sổ giấy tại Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chưa được thực hiện số hóa vào Phần mềm hộ tịch, việc lưu giữ, quản lý sổ hộ tịch chủ yếu bằng phương pháp thủ công với điều kiện lưu trữ, quản lý sổ hộ tịch chưa đảm bảo.

Để đảm bảo khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, xuất phát từ chủ trương đẩy mạnh Chuyển đổi số của Chính phủ, của tỉnh mà trọng tâm là phải xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Sở Tư pháp đã xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Dự án Số hóa dữ liệu từ sổ hộ tịch giấy (từ năm 1977 đến trước ngày 01/02/2018) vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc tại tỉnh Thừa Thiên Huế và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 13/6/2022; tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 07/4/2023 về việc triển khai thực hiện số hóa dữ liệu; đề nghị

*phiếu Lý lịch tư pháp. (5) Liên thông đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tháng tuổi, (6) Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí.*



*Đồng chí Nguyễn Thanh Bình - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin quyết TTHC tại phường Phước Vĩnh, thành phố Huế*

Phòng Tư pháp, UBND cấp xã thống kê chi tiết số liệu sự kiện hộ tịch đã đăng ký nhằm phục vụ triển khai Dự án số hóa. Hiện nay, Sở Tư pháp đang thực hiện các nội dung có liên quan đến đấu thầu và thi công Dự án và nỗ lực phấn đấu tối đa để đẩy nhanh tiến độ số hóa theo phương châm “*triển khai quyết liệt, hoàn thành trong thời gian sớm nhất*”<sup>2</sup>.

*Rà soát, đối chiếu, cập nhật, đồng bộ giữa dữ liệu hộ tịch đã được đăng ký và lưu giữ theo thẩm quyền với dữ liệu về dân cư nhằm tăng cường các giải pháp làm sạch dữ liệu dân cư phục vụ triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ Đề án 06, Sở Tư pháp đã có văn bản đề nghị UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định của pháp luật về hộ tịch, thành lập Tổ đăng ký lưu động về khai sinh, khai tử, kết hôn; Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công an và Phòng Tư pháp huyện A Lưới tổ chức họp thống nhất, đề xuất phương án giải quyết 399 trường hợp có sai lệch thông tin liên quan đến chế độ chính sách tại 07 xã<sup>3</sup> thuộc huyện A Lưới.*

*Thực hiện điểm mô hình số 08 “Toàn bộ các cơ sở công chứng bảo đảm điều kiện cho người*

<sup>2</sup> Yêu cầu tại Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

<sup>3</sup> Các xã: Hồng Kim, Hồng Bắc, Hồng Hạ, Phú Vinh, A Ngo, Hồng Thủy, Trung Sơn.

*dân sử dụng căn cước công dân gắn chip hoặc VNeID khi đi công chứng, chứng thực thay cho các loại giấy tờ*”: Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 1240/KH-STP ngày 7/6/2023 về việc triển khai mô hình số 08 tại các tổ chức hành nghề công chứng. Bước đầu thực hiện (từ ngày 9/6/2023 đến ngày 19/6/2023), Văn phòng công chứng Hồ Phi Hùng đã thí điểm sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD 55 trường hợp phục vụ các giao dịch tại văn phòng công chứng. Với mục tiêu chung là tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp, xây dựng mô hình điểm về chuyển đổi số để triển khai kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06 và Chỉ thị số 05 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh Đề án 06, đến thời điểm hiện nay có 03/11 tổ chức hành nghề công chứng<sup>4</sup> sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD. Thời gian đến, Sở Tư pháp sẽ chỉ đạo nhân rộng đối với 100% văn phòng công chứng trên địa bàn.

*Chú trọng về nguồn nhân lực tư pháp*: Thực hiện Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “*Kiến toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ công chức Tư pháp-Hộ tịch xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022 - 2025*”, UBND cấp huyện đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung của Đề án. Sau gần 02 năm thực hiện, đến nay, đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cơ bản có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn, đặc điểm, tính chất và yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ; thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, quản lý nhà nước, lý luận chính trị, cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tính đến ngày 10/4/2023, trên địa bàn tỉnh có 262 công chức Tư pháp - Hộ tịch, trong đó, Công chức có trình độ Cử nhân Luật, Thạc sỹ Luật là 253 người; Công chức được đào tạo bồi dưỡng Trung cấp Lý luận chính trị là 162 người; Công chức đã được bồi dưỡng nghiệp vụ theo Điều 72 Luật Hộ tịch là

253 người; Công chức được quy hoạch vào các vị trí chủ chốt của bộ máy chính quyền cấp xã là 59 người.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Đề án 06 của ngành Tư pháp vẫn còn nhiều khó khăn: Việc liên thông giữa Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch và Hệ thống dịch vụ công của tỉnh vẫn chưa ổn định khiến việc giải quyết thủ tục hành chính tại các đơn vị bị chậm trễ; đa số các trường hợp sai lệch thông tin tại huyện A Lưới không cung cấp được thêm các loại giấy chứng minh việc đăng ký khai sinh, thông tin cha, mẹ, anh, chị em ruột không thống nhất; việc sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD còn một số hạn chế, dữ liệu thông tin công dân thu thập được qua quét thẻ chưa đầy đủ các thông tin đáp ứng yêu cầu trong hoạt động công chứng.

Trong thời gian tới, để đạt được các mục tiêu đặt ra theo kế hoạch, toàn ngành phải quyết tâm thực hiện các giải pháp sau:

- Nâng cao nhận thức và xác định đúng tầm quan trọng, những nhiệm vụ cấp bách của ngành Tư pháp, xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cần quyết tâm trong chủ trương, quyết liệt trong hành động nhằm tạo sự “chuyển mình” mạnh mẽ của chính quyền địa phương các cấp trong việc thực hiện Đề án 06;

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án Số hóa dữ liệu từ Sổ hộ tịch giấy vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc tại tỉnh Thừa Thiên Huế nhằm đồng bộ, làm sạch dữ liệu cùng với ngành công an;

- Kiến nghị cải cách TTHC theo hướng đơn giản, thuận lợi nhất cho việc nộp và giải quyết hồ sơ trực tuyến trong lĩnh vực tư pháp; Tăng cường trang thiết bị phục vụ thực hiện Đề án 06, có giải pháp đầu tư bảo đảm an toàn thông tin thực hiện hiệu quả quá trình giải quyết và lưu trữ hồ sơ giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công;

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, chú trọng những tiện ích khi sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn, hỗ trợ để người dân ưu tiên lựa chọn việc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

T.T.T

<sup>4</sup> Văn phòng công chứng Hồ Phi Hùng, Văn phòng công chứng Phan Đình Việt, Văn phòng công chứng An Phú Gia

# KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỀ NHÀ Ở GẮN LIỀN VỚI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

■ NGUYỄN THỊ THANH HÀ  
Trưởng Văn phòng Công chứng An Phú Gia

Cùng với tiến trình hội nhập với thế giới, đặc biệt kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Nhà nước ta đã có những chính sách thông thoáng hơn về việc cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam. Các quy định về đối tượng, điều kiện sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất của người Việt Nam định cư ở nước ngoài cũng được quy định cụ thể, chi tiết hơn. Tuy nhiên, trong hoạt động công chứng hợp đồng, giao dịch về nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất của người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

## 1. Về đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Nhà ở năm 2014, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở tại Việt Nam và điểm đ khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai năm 2013 thì: “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc diện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở được nhận chuyển quyền sử dụng đất ở thông qua hình thức mua, thuê mua, nhận thừa kế, nhận tặng cho nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở hoặc được nhận quyền sử dụng đất ở trong các dự án phát triển nhà ở”.

Khoản 3 Điều 3 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định: “Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài.” Như vậy, người Việt Nam định cư ở nước ngoài gồm hai đối tượng, đó là: (i) Công dân Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài; (ii) Người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài.



*Công chứng viên Phòng Công chứng số 2 hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch*

Khi thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến các đối tượng này, việc xác định đối tượng là công dân Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài hay là công dân Việt Nam đang làm việc dài hạn tại nước ngoài đang gặp khó khăn. Cụ thể, khi đến công chứng ông A xuất trình hộ chiếu do Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức cấp, trong hộ chiếu có Giấy phép cư trú do cơ quan có thẩm quyền của Cộng Hòa Liên Bang Đức cấp, thể hiện ông A được cư trú

không thời hạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Công chứng viên xác định ông A là người Việt Nam định cư tại nước ngoài. Tuy nhiên, sau đó ông A xuất trình thêm một giấy Thông báo định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thể hiện nơi đăng ký thường trú của ông A là phường Tây Lộc, thành phố Huế; nơi ở hiện tại là Cộng hòa Liên bang Đức. Trường hợp này, ông A được xem là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam hay công dân Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài?<sup>1</sup>.

## **2. Về điều kiện được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam**

Khoản 1 Điều 8 Luật nhà ở năm 2014 quy định về điều kiện được công nhận quyền sở hữu nhà ở, theo đó đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì phải được phép nhập cảnh vào Việt Nam. Cụ thể hoá quy định này, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở (Nghị định số 99/2015/NĐ-CP) quy định giấy tờ chứng minh người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gồm: (i) Trường hợp mang hộ chiếu Việt Nam thì phải còn giá trị và có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh Việt Nam vào hộ chiếu; (ii) Trường hợp mang hộ chiếu nước ngoài thì phải còn giá trị có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh Việt Nam vào hộ chiếu và kèm theo giấy tờ chứng minh còn quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ xác nhận là người gốc Việt Nam do Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan quản lý về người Việt Nam ở nước ngoài cấp hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

*Thứ nhất*, về quy định “có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập

<sup>1</sup> Những trường hợp này thường là ra nước ngoài để học tập, lao động. Sau khi kết thúc thời hạn học tập, lao động thì ở lại định cư. Do vào thời điểm xuất cảnh ra nước ngoài họ đi học tập, lao động (không phải để định cư) nên không xóa hộ khẩu thường trú tại Việt Nam (Điều 22 Luật Cư trú 2006, Điều 24 Luật Cư trú 2020).

cảnh Việt Nam”, nghĩa là bắt buộc người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có mặt tại Việt Nam vào thời điểm thực hiện giao dịch về nhà ở. Một số người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nhận thừa kế nhà ở tại Việt Nam, do thời gian làm thủ tục thừa kế tương đối dài nên họ không thể ở lại đến khi ký kết văn bản khai nhận di sản. Vậy họ có thể uỷ quyền cho người khác ký kết văn bản khai nhận di sản được không? Về việc này cũng đang có quan điểm khác nhau, một số quan điểm cho rằng có thể uỷ quyền, số khác lại yêu cầu phải có mặt tại Việt Nam mới có thể ký kết văn bản khai nhận di sản.

*Thứ hai*, về quy định “giấy tờ chứng minh còn quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ xác nhận là người gốc Việt Nam do Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan quản lý về người Việt Nam ở nước ngoài cấp hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam”. Vương mắc lớn nhất hiện nay là việc xác nhận gốc Việt Nam cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Đa số người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi về Việt Nam thực hiện giao dịch về nhà ở không đem theo giấy tờ xác nhận là người gốc Việt Nam do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp và họ không thể đề nghị Sở Tư pháp địa phương cấp giấy xác nhận này, vì không đáp ứng điều kiện về cư trú. Mặc dù, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP có quy định “giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam”, nhưng không có quy định cụ thể là giấy tờ gì.

Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) có quy định về giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, gồm một trong các giấy tờ sau đây: (i) Giấy khai sinh (trường hợp Giấy khai sinh không thể hiện rõ quốc tịch Việt Nam thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam của cha mẹ); (ii) Giấy chứng minh nhân dân; (iii) Hộ chiếu Việt Nam<sup>2</sup>. Các loại giấy tờ này có được xem là giấy tờ chứng minh gốc Việt Nam hay không thì pháp luật hiện hành vẫn chưa có quy định.

<sup>2</sup> Giấy chứng minh nhân dân và Hộ chiếu Việt Nam của những đối tượng này thường đã hết hạn sử dụng. (xem tiếp trang 17)

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH DỊCH VỤ PHẪU THUẬT THẨM MỸ TẠI VIỆT NAM

■ TTS. LÊ THỊ HẢI NGỌC,  
NCS.THS. PHẠM LÊ NHẬT HOÀNG,  
THS. LÒ VĂN LINH  
*Trường Đại học Luật, Đại học Huế*

## 1. Khái quát về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ (DVPTTM) và quy định của pháp luật về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ

### 1.1. Khái quát về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ

Nghị định số 96/2016/NĐ-CP quy định về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã đưa ra khái niệm về kinh doanh DVPTTM như sau: “Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ, gồm: sử dụng dụng cụ thuật y học để phẫu thuật (giải phẫu) làm thay đổi hình dáng, đặc điểm nhận dạng của con người”<sup>1</sup>; Qua đó, chúng ta có thể hiểu, kinh doanh DVPTTM là việc dựa trên nhu cầu làm đẹp của con người sử dụng kỹ thuật y học để phẫu thuật (giải phẫu) làm thay đổi hình dáng đặc điểm nhận dạng của con người nhằm mục đích thu lợi nhuận.

### 1.2. Quy định của pháp luật về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ

*Thứ nhất, về điều kiện kinh doanh DVPTTM:* Kinh doanh DVPTTM là ngành nghề kinh doanh có điều kiện; phải tuân quy định tại Nghị định 109/2016/NĐ - CP về quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Cụ thể: *Đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ chỉ được thực hiện các hoạt động xăm, phun, thêu trên da, không sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm và phải đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, về thiết bị, về nhân sự, người thực hiện*

xăm, phun, thêu trên da không sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm tại cơ sở dịch vụ thẩm mỹ phải có giấy chứng nhận hoặc chứng chỉ đào tạo, dạy nghề về phun, xăm, thêu trên da do cơ sở đào tạo hoặc dạy nghề hợp pháp cấp. Các dịch vụ thẩm mỹ có sử dụng thuốc, các chất, thiết bị để can thiệp vào cơ thể người (phẫu thuật, thủ thuật, các can thiệp có tiêm, chích, bom, chiếu tia, đốt hoặc các can thiệp xâm lấn khác) làm thay đổi màu sắc da, hình dạng, cân nặng, khiếm khuyết của các bộ phận trên cơ thể (da, mũi, mắt, môi, khuôn mặt, ngực, bụng, mông và các bộ phận khác trên cơ thể người), xăm, phun, thêu trên da có sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm chỉ được thực hiện tại bệnh viện có chuyên khoa thẩm mỹ hoặc phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

*Thứ hai, về phạm vi kinh doanh DVPTTM:* Pháp luật quy định về phạm vi hoạt động kinh doanh của cơ sở DVPTTM, theo đó, các cơ sở này được thực hiện các hoạt động xăm, phun, thêu trên da, không sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm. Các dịch vụ thẩm mỹ có sử dụng thuốc; các chất, thiết bị để can thiệp vào cơ thể người như phẫu thuật, tiêm, bom, chích xăm, phun, thêu trên da có sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm thì chỉ được thực hiện tại các bệnh viện có chuyên khoa thẩm mỹ hoặc phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ có phạm vi hoạt động về chuyên khoa thẩm mỹ tùy theo phạm vi hoạt động chuyên môn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Chính phủ (2016), Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Khoản 20, Điều 3.

<sup>2</sup> Nghị định số 109/2016/NĐ-CP, Điều 37.

*Thứ ba, về cơ quan quản lý trong kinh doanh DVPTTM:* Theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009<sup>3</sup>, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, kinh doanh nói chung. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc. Ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về kinh doanh DVPTTM trong phạm vi toàn tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các hoạt động quản lý về kinh doanh DVPTTM tại địa phương.

*Thứ tư, về xử lý vi phạm trong kinh doanh DVPTTM:* Nghị định 117/2020/NĐ-CP quy định: cơ sở thẩm mỹ vi phạm quy định về điều kiện hoạt động và sử dụng giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thì tùy hành vi vi phạm mà mức phạt đối với cơ sở kinh doanh thẩm mỹ có thể lên tới 50.000.000 đồng, đồng thời có thể bị đình chỉ hoạt động trong thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng<sup>4</sup>. Trong thời gian hoạt động, nếu thẩm mỹ viện không đủ điều kiện hoạt động làm chết người có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế, cấp phát, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác” theo quy định tại Điều 315 Bộ luật Hình sự 2015 theo đó, mức hình phạt nhẹ nhất từ 01 đến 05 năm tù, nặng nhất là 15 năm tù. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm<sup>5</sup>.

<sup>3</sup> Luật Khám chữa bệnh năm 2013 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và được ban hành mới nhất ngày 9/1/2023 (hiệu lực từ ngày 1/1/2024).

<sup>4</sup> Nghị định 117/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 9 Điều 2 Nghị định 124/2021/NĐ-CP) khoản 6, khoản 7 Điều 39.

<sup>5</sup> Được Sửa đổi bởi khoản 117 Điều 1 sửa đổi Bộ luật Hình sự 2017.

## **2. Thực thi pháp luật về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ**

Hiện nay, ở Việt Nam nhu cầu làm đẹp của con người ngày càng tăng cao, theo đó, các cơ sở kinh doanh DVPTTM ra đời ngày càng nhiều. Trên thực tế, nhiều cơ sở kinh doanh DVPTTM đã tuân thủ quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh như về giấy phép hoạt động, điều kiện cơ sở vật chất, về nhân sự. Theo số liệu thống kê từ Hội Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ Việt Nam (VSAPS), năm 2019 Việt Nam có hơn 20 bệnh viện phẫu thuật thẩm mỹ tư nhân, 31 khoa tạo hình thẩm mỹ trong các bệnh viện, 320 phòng khám phẫu thuật thẩm mỹ tư nhân, 479 phòng khám da liễu có thực hiện kỹ thuật thẩm mỹ cùng hàng ngàn cơ sở chăm sóc da ngoài sự quản lý của ngành y tế<sup>6</sup>. Có thể thấy, số lượng các cơ sở tham gia hoạt động trong kinh doanh DVPTTM ngày càng nhiều nhằm đáp ứng nhu cầu làm đẹp của người dân. Bên cạnh kết quả, thực tiễn cho thấy, việc thực thi pháp luật về kinh doanh DVPTTM còn nhiều hạn chế, bất cập như: cơ sở kinh doanh không tuân thủ quy định pháp về điều kiện kinh doanh; kinh doanh không có giấy phép hoặc người thực hiện chuyên môn PTTM không có Giấy Chứng nhận đào tạo nghiệp vụ hoặc Chứng chỉ hành nghề. Hiện nay, đang có sự “đánh tráo khái niệm” giữa hoạt động làm đẹp (Spa, thông thường là Spa chỉ chăm sóc, làm đẹp thư giãn) với khái niệm PTTM. Nhiều cơ sở có nội dung hoạt động không phù hợp với biển hiệu và quảng cáo. Các cơ sở này quảng cáo rầm rộ là: Viện thẩm mỹ, Trung tâm thẩm mỹ, công nghệ tế bào gốc, cơ sở Spa... nhưng thực chất chỉ là các hiệu sơn sửa móng tay, cắt tóc, gội đầu... Đã có rất nhiều nạn nhân hứng chịu hậu quả của PTTM từ các cơ sở làm đẹp “chui” và thực tế hệ lụy kéo theo không chỉ là về đẹp mà còn là sức khỏe và tính mạng con người. Điển hình là vụ án “Thẩm mỹ viện Cát Tường” tại Hà Nội năm 2013. Đây là vụ án gây rúng động dư luận

<sup>6</sup> Lê Duy Bình (2021), Quản lý Nhà nước về kinh doanh dịch vụ thẩm mỹ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 22 (446), tr.60.

trong thời gian dài không chỉ vì kiến thức, về tay nghề chuyên môn mà còn vì mức độ tàn nhẫn của một bác sĩ. Nạn nhân là chị H, sinh năm 1974, đến thẩm mỹ viện Cát Tường để hút mỡ bụng và nâng ngực thẩm mỹ. Sau khi phẫu thuật, Chị H tử vong, để che giấu sự việc, bác sĩ Nguyễn Mạnh Tường (chủ Thẩm mỹ viện) cùng nhân viên có hành vi phi tang xác chết, ném xuống sông Hồng. Sau 10 tháng tìm kiếm cuối cùng gia đình và cơ quan Nhà nước mới tìm được xác của Chị H<sup>7</sup>. Theo Hội đồng Khoa học tư vấn chuyên môn cho rằng, những loại thuốc mà Ông Tường sử dụng là không hợp lý. Điều này thể hiện sự thiếu kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình hành nghề và thiếu đạo đức nghề nghiệp. Bên cạnh đó, đại diện Sở y tế Hà Nội khẳng định Thẩm mỹ viện này hoạt động “chui”, chưa được cấp phép khám chữa bệnh; trong khi Trường Phòng Y tế Quận Hai Bà Trưng cho biết, cơ sở này được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh; còn Lãnh đạo Bệnh viện Bạch Mai (nơi Ông Tường làm việc) cho biết bệnh viện hoàn toàn không biết việc nhân viên của bệnh viện có cơ sở thẩm mỹ riêng nên không có trách nhiệm gì<sup>8</sup>. Vậy đặt ra vấn đề trách nhiệm quản lý bệnh viện thẩm mỹ này thuộc về ai? Khi mà các cơ quan có liên quan liên tục đổ lỗi cho nhau? Vụ việc tại thời điểm xảy ra đã gây nên tranh cãi vì mức độ nghiêm trọng cũng như tính tàn nhẫn của nó, được cho là làm ảnh hưởng đến uy tín của ngành y tế nói chung; đồng thời thể hiện lỗ hổng trong việc quản lý các cơ sở kinh doanh DVPTTM tư nhân. Qua vụ việc trên cho thấy, việc quản lý của các cơ quan còn lỏng lẻo, chưa có sự kiểm tra giám sát và phối hợp trong quản lý; các chế tài xử phạt cũng chưa nghiêm và chưa đủ sức “răn đe” so với lợi nhuận mà các chủ thể kinh doanh được hưởng. Điều này

<sup>7</sup> Đ. Liên (2014), <https://plo.vn/diem-dien-bien-chinh-vu-tmv-cat-tuong-nem-xac-phi-tang-post310223.html>; Truy cập ngày 13/3/2023.

<sup>8</sup> Việt Đức (2014), Vụ TMV Cát Tường: Chị Huyền bị tiêm thuốc tê vượt 1.5 lần, <https://tienphong.vn/vu-tmv-cat-tuong-chi-huyen-bi-tiem-thuoc-te-vuot-15-lan-post729674.tpo>; truy cập ngày 15/3/2023.

dẫn đến trong thực tế, vẫn có nhiều cơ sở thực hiện DVPTTM có hành vi vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng cho khách hàng.

### 3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ

*Thứ nhất, đối với cơ quan quản lý Nhà nước:* cần tăng cường công tác quản lý đối với các cơ sở khám chữa bệnh; cần quản lý chặt về điều kiện hoạt động của các cơ sở DVPTTM; Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các cơ sở vi phạm điều kiện trong hoạt động DVPTTM; Chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn là Hội Phẫu thuật tạo hình Thẩm mỹ Việt Nam (VSAPS) và các Hội Phẫu thuật thẩm mỹ tại các địa phương tăng cường phổ biến những quy định pháp luật trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nói chung và trong lĩnh vực PTTM nói riêng; Cần phối hợp tổ chức và tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, cấp Chứng chỉ hành nghề; Hướng dẫn các phòng khám chuyên khoa PTTM thực hiện thủ tục đăng ký người hành nghề, thủ tục xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo đúng quy định.

*Thứ hai, đối với các cơ sở thực hiện dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ:* Đối với bệnh viện có chuyên khoa PTTM, cần tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên y tế; Tăng cường hoạt động quản lý chuyên môn của Hội đồng Khoa học công nghệ bệnh viện qua việc thẩm định năng lực thực hiện những kỹ thuật, phẫu thuật có nguy cơ cao của để làm căn cứ cho Giám đốc bệnh viện ban hành quyết định phân công nhân viên y tế thực hiện kỹ thuật can thiệp điều trị có nguy cơ cao; Đối với cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện DVPTTM, phải nghiêm túc tuân thủ quy định về điều kiện kinh doanh, về chuyên môn và quy trình kỹ thuật; cần đảm bảo tuân thủ các quy định về nhân sự chuyên khoa DVPTTM của cơ sở trong suốt quá trình hoạt động.

*Thứ ba, đối với người dân có nhu cầu tham gia DVPTTM:* cần có kiến thức và sự hiểu biết để làm đẹp một cách an toàn, hiệu quả. Cụ thể: cần tìm hiểu kỹ và lựa chọn cơ sở DVPTTM uy tín; Khi tham gia PTTM,

cần có kiến thức và thực hiện đúng các yêu cầu, hướng dẫn của bác sĩ để đảm bảo hiệu quả của việc làm đẹp, đảm bảo sức khỏe và tính mạng; Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện dịch vụ không đúng như quảng cáo, cần thông tin cho các cơ quan quản lý để kịp thời ngăn chặn, xử lý và cảnh báo cho những người khác; Nếu có phát sinh tranh chấp, cần tìm hiểu để lựa chọn cho mình phương thức giải quyết phù hợp mà pháp luật quy định như: Thương lượng, Hòa giải, Trọng tài, Tòa án; Bên cạnh đó, cần trang bị thông tin để

được tư vấn và hỗ trợ: Đường dây nóng Bộ Y tế, ĐT: 1900.9095 Email: duongdaynong@moh.gov.vn; Thanh tra Bộ, ĐT: 04.62732160; Email: thanhtra@moh.gov.vn.

*\* Bài viết dựa trên quan điểm của nhóm tác giả trong quá trình nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về kinh doanh dịch vụ PTTM tại Việt Nam, qua đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về kinh doanh dịch vụ này./*

## **KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỀ NHÀ Ở...** (tiếp theo trang 13)

### **3. Trường hợp người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được nhập cảnh vào Việt Nam mà được tặng cho hoặc được thừa kế nhà ở tại Việt Nam**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP thì người Việt Nam định cư ở nước ngoài nếu không được nhập cảnh vào Việt Nam mà được tặng cho hoặc được thừa kế nhà ở tại Việt Nam thì không được công nhận quyền sở hữu nhà ở mà phải ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác đang cư trú, hoạt động tại Việt Nam bán hoặc tặng cho nhà ở. Trường hợp này được giải quyết theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 78 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP, việc bán, tặng cho nhà ở được thực hiện khi có các giấy tờ theo quy định sau đây: (i) Có hợp đồng tặng cho, giấy tờ về thừa kế nhà ở được lập theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật dân sự của Việt Nam; (ii) Có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu nhà ở của bên tặng cho, bên để thừa kế theo quy định của Luật Nhà ở và Điều 72 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (giấy tờ chứng minh điều kiện nhà ở tham gia giao dịch đối với trường hợp không bắt buộc phải có Giấy chứng nhận); (iii) Có văn bản ủy quyền bán hoặc tặng cho nhà ở được lập theo quy định của pháp luật dân sự nếu ủy quyền cho người khác bán, tặng cho nhà ở.

Tuy nhiên, quy định phải có “hợp đồng tặng cho,

giấy tờ về thừa kế nhà ở được lập theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật dân sự của Việt Nam”, trên thực tế không thực hiện được vì người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được nhập cảnh vào Việt Nam thì không thể xác lập, giao kết được những hợp đồng, văn bản này. Họ cũng không thể ủy quyền ký kết hợp đồng tặng cho, văn bản khai nhận di sản để nhận tặng cho, nhận thừa kế nhà ở, vì điều kiện để nhận tặng cho, nhận thừa kế là phải “có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh Việt Nam vào hộ chiếu”.

### **4. Một số kiến nghị**

- Cần có hướng dẫn các loại giấy tờ để xác định đối tượng là công dân Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài hay là công dân Việt Nam đang làm việc dài hạn tại nước ngoài.

- Cần quy định cụ thể “các loại giấy tờ khác” chứng minh đối tượng người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc diện được mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam định cư tại nước ngoài trong thực hiện các hợp đồng, giao dịch về nhà ở.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về các loại giấy tờ để thực hiện việc bán, tặng cho nhà ở được quy định tại khoản 3 Điều 78 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP để người Việt Nam định cư ở nước ngoài không được nhập cảnh vào Việt Nam có thể thực hiện quyền của mình một cách thuận lợi./

T.T.T.H

# BÌNH ĐẲNG GIỚI TỪ GÓC NHÌN CỦA CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

■ THÙY TRANG

*Phòng PBGDPL, Sở Tư pháp*

*Theo quy định của pháp luật: “Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó”; còn hòa giải ở cơ sở là: “Việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định”. Có thể thấy, điểm chung của bình đẳng giới và hòa giải ở cơ sở đều hướng đến mục tiêu thực hiện dân chủ, công bằng và văn minh. Như vậy, sự có mặt của yếu tố bình đẳng giới trong công tác hòa giải ở cơ sở chính là việc góp phần bảo đảm sự công bằng và bình đẳng giữa các bên liên quan; sự tham gia của cả hòa giải viên nam và hòa giải viên nữ trong quá trình hòa giải sẽ giúp giải quyết tốt hơn các vấn đề giới, bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích của các bên; qua đó, nâng cao sự tín nhiệm của người dân với công tác hòa giải cũng như tới nỗ lực chung của xã hội trong việc đạt được bình đẳng giới thực chất.*

Trong suốt chiều dài lịch sử, việc sử dụng phương thức hòa giải để giải quyết các tranh chấp đã trở thành một trong những thiết chế truyền thống, phù hợp với tâm lý, tình cảm và truyền thống trọng tình, trọng đức, trọng văn trong xã hội Việt Nam. Hòa giải không chỉ là biện pháp phổ biến để áp dụng xử lý các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh giữa các mối quan hệ “láng giềng” mà còn bao gồm cả mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong mối quan hệ gia đình. Tuy nhiên, khi sự bất bình đẳng giới đã ăn sâu, len lỏi và trở thành định kiến trong các quan hệ xã hội, hình thành cách ứng xử

bất bình đẳng giữa nam và nữ đã phần nào ảnh hưởng đến chất lượng của công tác hòa giải ở cơ sở.

Với vị trí và vai trò quan trọng đã được công nhận, hòa giải ở cơ sở từ chỗ là một hoạt động mang tính chất tự phát trong nội bộ Nhân dân đã trở thành hoạt động của một tổ chức quần chúng được Nhà nước thừa nhận thông qua việc ban hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013. Nhằm đảm bảo văn bản Luật không chỉ là một “công cụ” văn minh để giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn trong Nhân dân mà còn là một phương tiện thúc đẩy, truyền tải tinh thần bình đẳng giới, tại Khoản 5 Điều 4 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 xác định một trong những nguyên tắc quan trọng của hòa giải là “*bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở*”. Nguyên tắc này thể hiện chính sách nhất quán của Nhà nước trong việc bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và được cụ thể hóa trong nội dung quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở. Để cụ thể hóa nguyên tắc này, Luật Hòa giải ở cơ sở đã có các quy định trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, cụ thể:

Về tổ chức, Khoản 1 Điều 12 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định: “*Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ*”. Đối chiếu theo quy định này, trong các thành viên của tổ hòa giải phải có hòa giải viên là nữ. Hòa giải viên nữ tham gia tổ hòa giải không chỉ với tư cách là đại diện cho phụ nữ ở cộng đồng mà còn là những người thấu hiểu tâm lý của nữ giới, dễ gần gũi, tiếp cận với phụ nữ khi tiến hành hòa giải, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ, chống phân biệt đối xử về giới, định kiến giới. Mặt khác, các quy định về cơ

cấu tổ chức của tổ hòa giải như: Tiêu chuẩn, phương thức bầu hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải, cũng như quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải và tổ hòa giải ở cơ sở, hoàn toàn không có quy định hoặc tiêu chí nhằm phân biệt đối xử giữa nam và nữ.

Về hoạt động, pháp luật hiện hành cũng không có quy định nào khác biệt giữa nam và nữ trong toàn bộ quá trình hoạt động hòa giải ở cơ sở, thể hiện qua các điều, khoản về quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình hòa giải, quy định về phân công hòa giải viên, lựa chọn địa điểm hòa giải, trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải, biên bản hòa giải, thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành... Kết quả vụ việc hòa giải ở cơ sở do hòa giải viên nam hay hòa giải viên nữ thực hiện đều có giá trị như nhau. Điều này đã giúp phần bảo đảm các bên tham gia hòa giải thực sự bình đẳng, không bị phân biệt đối xử nam, nữ (*thực tế sau 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, tính đến tháng 7/2023, toàn tỉnh Thừa Thiên Huế hiện có 6.598 hòa giải viên, trong đó hòa giải viên nữ là 1.592 người, chiếm 24,12%, đồng thời 100% tổ hòa giải đều có ít nhất 01 hòa giải viên là nữ*).

Tuy nhiên, bên cạnh việc bảo đảm bình đẳng giới trong hòa giải ở cơ sở vẫn luôn tồn tại những thách thức, hạn chế như sau:

- Thứ nhất, tỷ lệ hòa giải viên là nữ chưa cao và thường xuyên biến động. Thực tiễn cho thấy rằng đội ngũ hòa giải viên nói chung và hòa giải viên nữ nói riêng thường xuyên thay đổi. Tuy nhiên, so với nam giới, nữ giới thường bị ảnh hưởng bởi các vấn đề như: Sức khỏe; vai trò, nhiệm vụ trong gia đình,... đã khiến các nữ hòa giải viên gặp trở ngại trong quá trình theo sát nhiệm vụ của tổ hòa giải, thậm chí có trường hợp đã được bổ nhiệm nhưng không thể thực hiện được công việc được giao; đây cũng là nguyên nhân khiến cho mục tiêu nâng cao số lượng hòa giải viên là nữ trong các tổ hòa giải trở nên khó khăn, phức tạp.

- Thứ hai, kiến thức về giới, bình đẳng giới và kỹ năng xử lý các vụ việc liên quan đến giới, bình đẳng giới của hòa giải viên còn hạn chế. Để bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải, ngoài kiến thức pháp luật chung, hòa giải viên cần phải được trang bị các kiến thức về giới, bình đẳng giới cũng như các kỹ năng hòa giải vụ việc có nhạy cảm giới. Tuy nhiên, hiện nay, việc tập huấn, cung cấp kiến thức, kỹ năng hòa giải có nhạy cảm giới cho đội ngũ hòa giải viên, đặc biệt là hòa giải viên tại miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn chưa được đảm bảo thực hiện thường xuyên.

- Thứ ba, nhận thức về giới, bình đẳng giới của người dân nói chung và người được hòa giải nói riêng còn tương đối hạn chế. Việc thiếu nhận thức về bình đẳng giới của các bên mâu thuẫn, tranh chấp làm hạn chế việc đưa ra quan điểm hoặc tự mình thể hiện nhu cầu, nguyện vọng của bản thân cũng như chủ động đề xuất và lựa chọn phương án giải quyết phù hợp với nhu cầu và mong muốn.

Nguyên nhân dẫn đến các tồn tại, hạn chế trên là do một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đối với công tác hòa giải ở cơ sở. Ngoài ra, trong xã hội ngày nay, đâu đó vẫn còn thiếu sự công nhận hoặc đánh giá thấp vai trò của nữ hòa giải viên khi tham gia giải quyết các tranh chấp. Một nguyên nhân nữa là người phụ nữ đôi lúc chưa thực sự mạnh dạn, chủ động, tích cực tham gia hòa giải tại cơ sở. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực cho hòa giải viên hiện nay chưa thực sự chú trọng nhiều tới các nội dung về giới, nhạy cảm giới, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, bảo vệ quyền của phụ nữ, trẻ em.

Để góp phần bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở, thiết nghĩ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, các cấp, các ngành từ trung ương xuống đến cấp xã đối với tổ hòa giải và đội ngũ hòa giải viên vừa là điều kiện vừa là biện pháp có tính quyết định đối với công tác hòa giải ở cơ sở. Từ đó, tạo

điều kiện cho việc thuận lợi không chỉ công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở (chỉ đạo, hướng dẫn; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng hòa giải; tôn vinh, khen thưởng Tổ hòa giải, hòa giải viên...) mà còn triển khai các hoạt động hòa giải cụ thể, qua đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả việc bảo đảm bình đẳng giới trong hòa giải ở cơ sở. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền thể hiện qua những nội dung như:

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kiện toàn các tổ hòa giải và hòa giải viên theo hướng tăng cường hòa giải viên là nữ. Điều này là hết sức cần thiết nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, thay vì đề ra mục tiêu là những con số, việc cần thiết hiện nay đó là đưa ra những giải pháp, cơ chế thiết thực nhằm vận động, khuyến khích nữ giới có đủ điều kiện tham gia hòa giải ở cơ sở. Để làm được điều này cần có sự phối hợp giữa Cơ quan tư pháp và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhất là Hội liên hiệp Phụ nữ các cấp.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết và thi đua khen thưởng thường xuyên, kịp thời đối với các tổ hòa giải và hòa giải viên;

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả trong hòa giải các vụ việc có liên quan đến giới, bình đẳng giới.

Thứ hai, tăng cường hơn nữa công tác truyền thông, phổ biến pháp luật về giới, bình đẳng giới bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về vị trí, vai trò của bình đẳng giới nói chung, bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Thứ ba, chú trọng tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp tài liệu cho đội ngũ hòa giải viên kiến thức về giới, bình đẳng giới, lồng ghép giới, kỹ năng hòa giải nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở.

Để bảo đảm bình đẳng giới trong hòa giải ở cơ sở, ngoài việc cung cấp cho hòa giải viên kiến thức về giới, bình đẳng giới, cần trang bị cho đội ngũ này một số kỹ năng cần thiết để đảm bảo bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở như kỹ năng giao tiếp có hiểu biết giới, kỹ năng phân tích thông tin, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp. Bên cạnh đó, cần đa dạng hóa các tài liệu tập huấn cho hòa giải viên về lồng ghép bình đẳng giới trong hoạt động hòa giải với phương pháp dễ hiểu, dễ nhớ, dễ áp dụng như: tài liệu tập huấn, sổ tay bỏ túi, các video bài giảng điện tử, tình huống hòa giải mẫu... nhằm nâng cao việc trang bị kiến thức, hướng dẫn kỹ năng hòa giải bảo đảm bình đẳng giới để các địa phương tập huấn, bồi dưỡng hoặc cấp phát cho hòa giải viên.

Thứ tư, tăng cường nguồn lực hỗ trợ và duy trì hoạt động hòa giải ở cơ sở, như: Bảo đảm cung cấp đủ các tài liệu cần thiết cho hoạt động hòa giải cơ sở, đặc biệt tài liệu về giới và pháp luật về bình đẳng giới, tài liệu pháp luật về hòa giải ở cơ sở; bảo đảm kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ hòa giải viên; bảo đảm kinh phí chi trả thù lao cho hòa giải viên nhằm kịp thời động viên, hỗ trợ hòa giải viên.

Cùng với sự phát triển và biến động không ngừng của xã hội, có thể nhận thấy rằng bất bình đẳng giới đâu đó vẫn đang len lỏi trong tư tưởng mỗi người, tồn tại trong mỗi gia đình. Do đó, để thúc đẩy bình đẳng giới thực chất cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp (*mà trọng tâm phải bắt đầu từ cơ sở*), cần từng bước xóa bỏ định kiến giới từ mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi dòng họ và như thế sẽ lan tỏa ra cả cộng đồng. Với vai trò là người sinh sống tại cộng đồng dân cư, gần gũi nhất với cơ sở, khi được trang bị kiến thức về bình đẳng giới sẽ giúp hòa giải viên có những ứng xử phù hợp, bảo đảm bình đẳng giới từ trong gia đình đến cộng đồng và ngoài xã hội, góp phần đưa bình đẳng giới thực sự hiệu quả ngay tại cơ sở./.

T.T

# ĐẶT CỌC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRAO ĐỔI

■ NGUYỄN THỊ ĐÀO

Phó trưởng Phòng Bổ trợ tư pháp, Sở Tư pháp

**Đặt cọc là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thường được áp dụng. Qua thực tiễn, một số vấn đề còn những quan điểm khác nhau cần được làm rõ để thống nhất áp dụng pháp luật.**

Đặt cọc chỉ được quy định tại một điều luật duy nhất của Bộ luật Dân sự năm 2015 là Điều 328. Ngoài ra, Điều 37, 38 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về trường hợp không xác định rõ là tiền đặt cọc hoặc tiền trả trước; quyền, nghĩa vụ của các bên trong đặt cọc. Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định đặt cọc như sau:

“1. Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng.

2. Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Đặt cọc là hợp đồng giữa bên đặt cọc và bên nhận đặt cọc, mang tính chất bảo đảm đối vật. Tài sản đặt cọc một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác. Vật này phải là vật chuyên giao được và được bảo lưu giá trị sử dụng.

Hợp đồng đặt cọc là giao dịch dân sự dự phòng, bảo đảm cho một giao dịch dân sự khác được giao kết hoặc được thực hiện.

Một số vấn đề cần làm rõ đối với hợp đồng đặt cọc:

## **1. Đặt cọc có cần sự đồng ý của vợ/chồng không?**

Việc xác định hợp đồng đặt cọc có cần sự đồng ý của vợ/chồng không vẫn còn những quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, hợp đồng đặt cọc cần sự đồng ý của vợ/chồng, vì: Có thể xem bản chất của đặt cọc là “hứa mua, hứa bán”, tài sản đặt cọc có tính chất như là số tiền bên mua phải trả trước để sau khi kết thúc thời hạn thì các bên tiến hành giao dịch; mặt khác, nếu không thể tiến đến giao dịch “mua - bán” thì bên có lỗi bị mất tài sản đặt cọc. Do đó, Đặt cọc có yếu tố định đoạt tài sản. Căn cứ khoản 2 Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng trong những trường hợp sau đây: a) Bất động sản; b) Động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu; c) Tài sản đang là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình”, đặt cọc phải có sự đồng ý của vợ/chồng.

Quan điểm thứ hai cho rằng, hợp đồng đặt cọc không cần sự đồng ý của vợ/chồng, vì: Giao dịch đặt cọc khác với giao dịch “mua - bán” được bảo đảm bằng đặt cọc. Đây là hai giao dịch độc lập, riêng biệt. Trong đặt cọc không có yếu tố định đoạt tài sản, chỉ là biện pháp bảo đảm để thực hiện một giao dịch khác. Do đó, không cần có sự đồng ý của vợ/chồng.

## **2. Nội dung hợp đồng đặt cọc có bao gồm các nội dung liên quan đến giao được bảo đảm không?**

Nội dung hợp đồng đặt cọc về cơ bản phải bảo đảm những nội dung chủ yếu tại Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Đối tượng của hợp đồng; Số lượng, chất lượng; Giá, phương thức thanh toán; Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng; Quyền, nghĩa vụ của các bên; Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; Phương thức giải quyết tranh chấp). Ngoài ra, vì đặt cọc là biện pháp bảo đảm để giao kết hoặc thực hiện hợp đồng khác nên nội dung hợp đồng cần đề cập đến các nội dung của giao dịch được bảo đảm không?

Quan điểm thứ nhất cho rằng, phải có đầy đủ các nội dung chính của hợp đồng sẽ giao kết, như: chủ thể, đối tượng tài sản, giá cả,... Vì hợp đồng đặt cọc là để bảo đảm cho việc giao kết hợp đồng

và hợp đồng sẽ giao kết này phải đảm bảo điều kiện được giao kết. Do đó, trong hợp đồng đặt cọc phải xác định rõ những nội dung liên quan đến hợp đồng sẽ giao kết.

*Quan điểm thứ hai cho rằng*, hợp đồng đặt cọc độc lập với hợp đồng sẽ giao kết. Do đó, không cần thiết phải có các nội dung của hợp đồng sẽ giao kết.

### **3. Có được đặt cọc để giao dịch đối với tài sản đang thế chấp?**

Đối với tài sản đang thế chấp thì các bên có được đặt cọc để bảo đảm cho việc giao kết hợp đồng mua bán đối với tài sản đang thế chấp không?

*Quan điểm cho rằng được đặt cọc* trong trường hợp này, vì: Theo quy định tại khoản 8 Điều 320 và khoản 4, 5 Điều 321 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên thế chấp có quyền: (i) Được bán, thay thế, trao đổi tài sản thế chấp, nếu tài sản đó là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp này, quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế hoặc được trao đổi trở thành tài sản thế chấp. Trường hợp tài sản thế chấp là kho hàng thì bên thế chấp được quyền thay thế hàng hóa trong kho, nhưng phải bảo đảm giá trị của hàng hóa trong kho đúng như thỏa thuận. (ii) Được bán, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp không phải là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nếu được bên nhận thế chấp đồng ý hoặc theo quy định của luật.

Như vậy, nếu được bên nhận thế chấp đồng ý thì tài sản đang thế chấp vẫn có thể được giao dịch mua bán. Do đó, các bên vẫn được tiến hành đặt cọc để bảo đảm cho giao kết đối với tài sản đang thế chấp.

*Quan điểm thứ hai cho rằng không được đặt cọc* để giao kết đối với tài sản đang thế chấp, vì: Theo quy định tại khoản 8 Điều 320 và khoản 4, 5 Điều 321 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên thế chấp có quyền giao kết bán nếu được bên nhận thế chấp đồng ý. Do đó, đặt cọc diễn ra trước khi giao kết hợp đồng mua bán trong khi chưa rõ tình trạng pháp lý của tài sản thế chấp như thế nào là không phù hợp.

Mặt khác, đặt cọc được xem như là việc “hứa mua - hứa bán”, do đó, hợp đồng đặt cọc có tính

chất là hợp đồng phụ, hiệu lực phụ thuộc vào hợp đồng chính là hợp đồng được bảo đảm. Theo Điều 407 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Sự vô hiệu của hợp đồng chính làm chấm dứt hợp đồng phụ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hợp đồng phụ được thay thế hợp đồng chính. Quy định này không áp dụng đối với biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Sự vô hiệu của hợp đồng phụ không làm chấm dứt hợp đồng chính, trừ trường hợp các bên thỏa thuận hợp đồng phụ là một phần không thể tách rời của hợp đồng chính”. Khi hợp đồng mua - bán (hợp đồng chính) đối với tài sản đang thế chấp chưa rõ ràng về điều kiện để giao kết hợp đồng được hay không thì không thể có hợp đồng phụ là hợp đồng đặt cọc.

### **4. Về phạt cọc**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Như vậy, việc phạt cọc xảy ra trong trường hợp bên đặt cọc hoặc bên nhận đặt cọc từ chối giao kết; không xảy ra trong trường hợp do nghĩa vụ được bảo đảm không đủ điều kiện để tiến hành. Do đó, việc xác định lỗi trong phạt cọc cần được xác định đúng để đảm bảo quy định pháp luật. Cũng từ quy định trên cho thấy, các bên khi giao kết đặt cọc phải bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng được bảo đảm nhưng vấn đề này có những khó khăn cho bên đặt cọc trong giai đoạn này dẫn đến tiềm ẩn nhiều nguy cơ tranh chấp đối với hợp đồng đặt cọc. Việc quy định số tiền phạt cọc tương đương giá trị tài sản đặt cọc (trừ trường hợp có thỏa thuận khác) và được bù trừ trực tiếp từ tài sản đặt cọc, trong khi một trong giao kết nhận tài sản đặt cọc, dẫn đến những thiệt thòi và khó khăn khi đòi tiền phạt cọc của bên đặt cọc.

Từ những quan điểm áp dụng pháp luật về đặt cọc trong thực tiễn như trên, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật./.

N.T.Đ

# KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, XỬ LÝ KỶ LUẬT TRONG THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

■ NGUYỄN VĂN HÓA  
Phòng Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2020/NĐ-CP về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 19/2020/NĐ-CP). Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 31/3/2020. Các quy định về xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29 của Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Có thể nói, việc Chính phủ ban hành Nghị định kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, cụ thể, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi trong việc xác định các hành vi vi phạm, áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật đối với từng hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cũng như nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, qua 03 năm triển khai thi hành trong thực tiễn, đã xuất hiện một số khó khăn, vướng mắc cần sớm được tháo gỡ:

## VỀ ỦY QUYỀN KÝ BAN HÀNH KẾT LUẬN KIỂM TRA

Theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP thì “*Trưởng đoàn kiểm tra ký ban hành kết luận kiểm tra trong trường hợp được người có thẩm quyền kiểm tra ủy quyền*”. Và tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP quy định “*Trưởng đoàn kiểm tra có thể ủy quyền cho phó trưởng đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ của mình*”. Trong trường hợp này, Trưởng đoàn kiểm tra có được ủy quyền cho phó trưởng đoàn kiểm tra ký ban hành kết luận kiểm tra hay không vẫn còn có các quan điểm khác nhau, cụ thể như sau:



*Đoàn Kiểm tra liên ngành tiến hành kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*

*Quan điểm thứ nhất cho rằng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP thì Trưởng đoàn kiểm tra có các trách nhiệm: Công bố quyết định kiểm tra đến đối tượng được kiểm tra; Thông báo cho đối tượng được kiểm tra về thành phần của đoàn kiểm tra; Tổ chức điều hành việc kiểm tra theo đúng nội dung của quyết định kiểm tra; Phân công công việc cụ thể cho thành viên đoàn kiểm tra; Chịu trách nhiệm trước người đã ban hành quyết định kiểm tra và trước pháp luật về hoạt động của đoàn kiểm tra; Thực hiện chế độ báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của người đã ban hành quyết định kiểm tra đối với những vấn đề, nội dung phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; Lập, ký biên bản kiểm tra ngay sau khi kết thúc kiểm tra để ghi nhận kết quả kiểm tra; Báo cáo, đề xuất xử lý kết quả kiểm tra với người đã ban hành quyết định kiểm tra kèm theo hồ sơ kiểm tra khi kết thúc kiểm tra; trình người có thẩm quyền kiểm tra ban hành kết luận kiểm tra;... Do đó, Trưởng đoàn kiểm tra chỉ được ủy quyền cho phó trưởng đoàn kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ nêu trên mà

không được ủy quyền cho phó trưởng đoàn kiểm tra ký ban hành kết luận kiểm tra.

*Quan điểm thứ hai cho rằng:* Do khoản 3 Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP không có nội dung quy định “người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác”. Do đó, Trưởng đoàn kiểm tra có thể ủy quyền cho phó trưởng đoàn kiểm tra ký ban hành kết luận kiểm tra.

Vì vậy, cần quy định cụ thể nội dung này để áp dụng thống nhất.

### **Về thực hiện kết luận kiểm tra**

Điều 17 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP quy định: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra, đối tượng được kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện kịp thời và đầy đủ các nội dung kiến nghị đã được nêu tại kết luận kiểm tra. Trường hợp kết luận kiểm tra có nhiều nội dung, liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân thì đối tượng được kiểm tra phải lập kế hoạch thực hiện kết luận kiểm tra.

Như vậy, dù nội dung kết luận kiểm tra liên quan một đơn vị hay nhiều đơn vị, tổ chức khác nhau có liên quan thì thời hạn triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện chỉ có 30 ngày (kể cả thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, Tết). Quy định này khi áp dụng vào thực tiễn đã bộc lộ điểm chưa phù hợp. Vì, với thời hạn 30 ngày không đủ để triển khai nội dung kết luận kiểm tra có liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nhau và tổng hợp báo cáo từ các đơn vị có liên quan thành báo cáo chung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra (đặc biệt là đối với những ngành có địa bàn hoạt động rộng, đi lại khó khăn).

### **Về xử lý kỷ luật**

*Một là,* Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP thì việc kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có 03 nội dung kiểm tra bao gồm:

(i) Kiểm tra việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính

(ii) Kiểm tra việc áp dụng pháp luật về các biện pháp xử lý hành chính

(iii) Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, tại Chương IV (xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính)

không quy định hình thức xử lý đối với các hạn chế, tồn tại, sai sót trong thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trong khi đó, việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bao gồm nhiều nội dung quan trọng như: công tác chỉ đạo, điều hành; công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ; trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện và áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính,... có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả của công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

*Hai là,* Theo quy định tại điều 23 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị áp dụng mức xử lý kỷ luật với mức thấp nhất là khiển trách, đến cao nhất là buộc thôi việc (từ điều 24 đến điều 29 của Nghị định). Tuy nhiên, Nghị định số 19/2020/NĐ-CP không quy định số lần vi phạm, mức độ vi phạm để làm căn cứ xử lý. Do vậy, đã gây lúng túng cho cơ quan, địa phương khi áp dụng quy định trên.

Kiểm tra, xử lý trách nhiệm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thi hành công vụ là một trong những biện pháp nhằm bảo đảm trật tự, kỷ cương trong hoạt động công vụ, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả đấu tranh chống vi phạm hành chính trong bối cảnh tổ chức và số lượng chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính rất lớn, ở nhiều ngành, nhiều cấp, phạm vi xử phạt vi phạm hành chính rất rộng, số lượng vi phạm hành chính lớn, tính chất phức tạp, đòi hỏi chuyên môn nghiệp vụ cao, có tính chuyên nghiệp trong xử phạt vi phạm hành chính.

Để quy định pháp luật được thực hiện thống nhất, các cơ quan có thẩm quyền cần rà soát, đánh giá tổng thể những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, bất cập trong các quy định của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP và trong tổ chức triển khai thực hiện, qua đó sớm sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể, có tính lượng hóa cao về tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng cũng như có hướng dẫn chi tiết để làm căn cứ áp dụng, xử lý trong thực tiễn./.

N.V.H

# PHÁT ĐỘNG CUỘC THI TRỰC TUYẾN TÌM HIỂU PHÁP LUẬT TRONG HỌC SINH, SINH VIÊN

Với mục đích tiếp tục nâng cao hiệu quả và chất lượng của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng các hình thức đa dạng, phong phú; đồng thời đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), ngày 08 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh đã ban hành các Kế hoạch số 910, 911/KH-HĐPH về tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường và quy tắc ứng xử trong trường học” và “Tìm hiểu pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ” trong học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là các Cuộc thi); qua đó đưa Cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến trở thành cuộc thi thường niên, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật trong học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng tham dự, Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh chính thức phát động Cuộc thi trên địa bàn toàn tỉnh với Thể lệ như sau;

## 1. Tên gọi Cuộc thi

Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường và quy tắc ứng xử trong trường học” và Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ” trong học sinh, học viên, sinh viên (gọi tắt là học sinh, sinh viên) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

## 2. Đối tượng dự thi

Học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng và Đại học; học viên tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao

động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

## 3. Hình thức dự thi

- Cuộc thi được tổ chức bằng hình thức trực tuyến.

- Người dự thi sử dụng trình duyệt trên máy tính hoặc các thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại thông minh) có kết nối Internet, truy cập vào địa chỉ website Trang Thông điện tử Sở Tư pháp <https://stp.thuathienhue.gov.vn/> hoặc Trang Thông tin phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Thừa Thiên Huế <https://stp.thuathienhue.gov.vn/?gd=26>; chọn Chuyên mục Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường và quy tắc ứng xử trong trường học” và “Tìm hiểu pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ” để đăng ký và dự thi.

## 4. Cách thức đăng ký dự thi

- Để được tham gia thi, người dự thi phải cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin cá nhân tại phần Đăng ký dự thi. Các trường thông tin bao gồm: “Họ và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Địa chỉ (xã/phường/thị trấn, huyện/thị xã/thành phố); Lớp; Khoa; Trường”.

Thông tin do người dự thi cung cấp là căn cứ để Ban Tổ chức Cuộc thi tổng hợp kết quả và xem xét trao giải. Ban Tổ chức Cuộc thi sẽ không công nhận kết quả đối với người dự thi có bất kỳ trường thông tin đăng ký nào sai lệch với thực tế.



## 5. Cách thức thi

- Sau khi đăng ký dự thi thành công, người dự thi chọn mục “Vào thi” để trả lời các câu hỏi được thiết kế theo bộ đề có sẵn.

- Một bộ đề thi bao gồm 11 câu hỏi, trong đó có 10 trắc nghiệm (mỗi câu hỏi có 04 đáp án A, B, C, D và chỉ có 01 đáp án đúng) và 01 câu hỏi dự đoán.

- Người dự thi trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng cách chọn 01 trong 04 đáp án. Mỗi câu hỏi trắc nghiệm trả lời đúng được tính là 01 điểm. Đối với câu hỏi dự đoán, người dự thi dự đoán số lượng người tham gia dự thi trả lời đúng tất cả các câu hỏi trắc nghiệm.

- Mỗi phần thi trực tuyến kéo dài tối đa 15 phút. Quá 15 phút, bài dự thi sẽ không được công nhận kết quả. Bài dự thi chỉ được xem là hợp lệ khi người dự thi trả lời đầy đủ 11 câu hỏi.

Một người dự thi có thể tham gia thi nhiều lần, Ban Tổ chức chỉ công nhận 01 kết quả cao nhất trong số các lần dự thi.

## 6. Tiêu chí xét thưởng

### Đối với giải cá nhân:

Giải cá nhân được xét theo các tiêu chí cho đến khi chọn đủ số lượng giải theo quy định của Thể lệ.

- Tiêu chí 1: Người dự thi trả lời đúng tất cả 10 câu hỏi trắc nghiệm.

- Tiêu chí 2: Người dự thi dự đoán đúng hoặc gần đúng nhất về số lượng người trả lời đúng tất cả các câu hỏi trắc nghiệm.

- Tiêu chí 3: Người dự thi có thời gian hoàn thành bài thi ngắn hơn.

### Đối với giải tập thể:

Giải tập thể được xét theo các tiêu chí từ cao đến thấp cho đến khi chọn đủ số lượng giải theo quy định của Thể lệ.

- Tiêu chí 1: Tỷ lệ người dự thi/Tổng số học sinh, học viên, sinh viên.

- Tiêu chí 2: Tỷ lệ bài dự thi trả lời đúng tất cả các câu hỏi trắc nghiệm/Tổng số người dự thi.

- Tiêu chí 3: Có các hình thức phát động cuộc thi phù hợp.

## 7. Nội dung thi

Đối với Cuộc thi “*Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường và quy*

*tắc ứng xử trong trường học*”, nội dung thi về các quy định tại: Bộ luật Hình sự năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017; Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Thông tư số 38/2019/TT-BLĐTĐ ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đối với Cuộc thi “*Tìm hiểu pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ*”, nội dung thi về các quy định tại: Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.

## 8. Thời gian tổ chức Cuộc thi

- Bắt đầu từ 00 giờ 00 phút ngày 11/9/2023 đến 24 giờ 00 phút ngày 30/9/2023.

- Công bố kết quả sau 20 ngày kể từ ngày kết thúc Cuộc thi. Dự kiến tổ chức tổng kết, trao giải Cuộc thi vào tháng 11/2023 nhằm hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (09/11/2023).

## 9. Cơ cấu và giá trị các giải thưởng:

Mỗi cuộc thi có 13 giải thưởng, trong đó có 11 giải cá nhân và 02 giải tập thể.

Ngoài Giấy chứng nhận của Ban Tổ chức, giá trị các giải thưởng như sau:

### a) Giải tập thể

- 01 giải Nhất: 3.000.000đ/giải.

- 01 giải Nhì: 2.000.000đ/giải.

### b) Giải cá nhân

- 01 giải Nhất: 2.000.000đ/giải.

- 01 giải Nhì: 1.500.000đ/giải.

- 02 giải Ba: 1.000.000đ/giải.

- 07 giải Khuyến khích: 500.000đ/giải.

# MỘT VỤ VIỆC THÀNH CÔNG CỦA TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ

■ PHẠM THỊ THUY TRANG  
*Trợ giúp viên Trung tâm TGPLNN*

Như chúng ta đã biết, hoạt động tham gia tố tụng để bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 trong đó có diện người “từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi” phạm tội, là một hoạt động nghề nghiệp đòi hỏi những người làm Trợ giúp viên pháp lý phải có nhiều tâm huyết, trăn trở, nghiên cứu và nắm bắt các quy định của pháp luật một cách chặt chẽ, đồng thời phải nắm rõ về cả tâm sinh lý và nhận thức của độ tuổi “nổi loạn” này. Đây là lứa tuổi đang trong quá trình phát triển để trưởng thành như ông bà từng nói “ăn chưa no, lo chưa tới”, khó kiểm soát được cảm xúc dẫn đến hành vi có tính chất bộc phát có thể vi phạm.

Trợ giúp viên pháp lý tham gia bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý ngay từ giai đoạn giải quyết nguồn tin báo về tội phạm, giai đoạn Điều tra, Truy tố và nhất là giai đoạn Xét xử. Trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa cho người dưới 18 tuổi phạm tội ở phiên toà Hình sự sơ thẩm. Như vụ việc cụ thể xảy ra năm 2021 tại thôn Trung Phước, xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nội dung vụ án như sau: Vào ngày 10/08/2021 em N. V.T.A đang ở nhà thì nghe tin bố ruột là N.V.B.T có xảy ra mâu thuẫn với anh N.Đ.H. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T.A đi đến nhà của C.V.L để chơi rồi kể lại chuyện bố ruột của mình có xảy ra mâu thuẫn với anh H cho L nghe. Sau khi nghe xong L nói “Bây giờ đi tìm ông H để đánh không” T.A trả lời “đi”. Sau đó T.A đi về nhà lấy 01 cây gậy dài 60 cm, rồi đến nhà của L và đưa cây gậy ba khúc cho L. Anh L lấy xe mô tô (thuộc sở hữu của chị P.T.B) đưa cho T.A điều khiển chở L đi

tìm anh H. T.A điều khiển xe mô tô chở L đi về hướng xã Lộc Bình để đi tìm anh H, khi đi đến đoạn đường quốc lộ 19B thuộc thôn Tân An xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc thì thấy anh H đang đứng bên đường, lúc này T.A nói với L “Lấy cho em cục đá, L liền nhặt dưới đường một cục đá đưa cho T.A, L và T.A tới vị trí anh H đang đứng L cầm cây gậy ba khúc đánh một cái trúng vào lưng anh H, còn T. A dùng cục đá ném trúng vào vùng tai phải của anh H. Sau đó cả hai lên xe mô tô bỏ chạy về nhà. Hậu quả: anh H bị thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18% . Tại phiên toà Viện kiểm sát truy tố N.V.T.A về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 xử phạt bị cáo N.V.T.A từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù giam. Xuất phát từ mục đích của việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu là nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, đang ở độ tuổi thay đổi tâm sinh lý, nhân cách chưa hoàn thiện, suy nghĩ chưa thấu đáo, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hành vi của bị cáo do nông nổi nhất thời. Mặc khác, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà không có tình tiết tăng nặng nào, có nơi cư trú rõ ràng, từ trước tới nay chưa vi phạm pháp luật và luôn chấp hành tốt các quy định ở địa phương. Cho nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần tạo điều kiện, tạo cơ hội cho bị cáo hiểu rõ và sửa chữa các lỗi lầm của mình. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc áp dụng tình

*(xem tiếp trang 29)*

Mấy ngày nay, thỉnh thoảng bà Tâm tổ trưởng tổ hòa giải của thôn nghe mọi người bàn tán nhau về chuyện bà Hiền thường xuyên xảy ra cãi vã với hàng xóm, mà có dạo còn nghe hàng xóm đòi báo công an, đòi kiện bà Tâm. Tuy đã nghe tiếng đồn nhưng do bà Tâm đang bận chăm con dâu mới sinh nên chiều nay bà mới sang nhà bà Hiền xem tình hình cụ thể.

Vừa đến cổng, bà Tâm đã chứng kiến ngay cảnh bà Hiền đang cãi nhau gay gắt với ông Đông. Qua lời ông Đông, bà được biết lâu nay nhà bà Hiền xây nhà nhưng toàn bộ vật liệu xây dựng, nào cát, nào sỏi, nào đá, nào gạch, nào xi măng, đều để chắn lối đi đường vào xóm. Ban ngày thì không nói làm gì, nhưng mà ban đêm, trời tối, bà con đi qua không để ý cứ bị vấp vào đồng gạch, đồng đá của nhà bà Hiền. Hôm qua, có mấy đứa trẻ con đi học về ngang qua đồng cát này, bị xia cát ngã dúi dụi, xây xước hết mặt mày. Mà không những vậy, bà Hiền còn không quét dọn nên cát, đất bắn rải từ đầu xóm đến cuối xóm, trời nắng càng khiến con đường thêm bụi mù. Bà con trong xóm có ý kiến, nhưng bà ấy cứ cãi lại, không xem ai ra gì, bà Hiền còn bảo mọi người là ghen ăn tức ở với nhà bà ấy. Mà không chỉ trẻ con, ai đi qua buổi tối không cẩn thận mà bị ngã, cũng may rằng họ đi chậm nên cũng không sao. Người ta có đồng cát như vậy phải cắm cái cây hoặc cắm cái gì đó để mọi người biết đường này bà có cấm đâu. Con đường xóm mấy tháng qua chúng tôi thỉnh thoảng lại quét, bà thì coi đó là chuyện bình thường, chúng tôi chỉ góp ý chứ mong gì đâu mà bà ấy lại khó chịu, cãi nhau suốt...

Trong lúc nghe ông Đông “kể tội”, bà Tâm tranh thủ quan sát xung quanh một hồi. Bà



Tình trạng để vật liệu xây dựng “ngổn ngang” giữa lòng đường.  
(Ảnh sưu tầm)

nhận thấy do sân nhà của bà Hiền đúng thật khá chật chội, nên gia đình bà đã để toàn bộ vật liệu ra giữa con đường của thôn. Đường làng vốn đã hẹp, nay còn ngổn ngang nào cát, nào đá. Để như vậy nhưng gia đình bà Hiền cũng không cấm cờ hoặc cảnh cây để cảnh báo người đi đường, thậm chí cũng không phủ bạt để giảm bụi. Dạo gần đây bóng đèn của thôn cũng thường xuyên bị cháy, đi vào ban đêm thực sự khá nguy hiểm.

Sau khi nắm được đầu đuôi ngọn ngành câu chuyện, bà Tâm ngay lập tức hiểu ra vấn đề, bà liền quay người sang nhà bà Hiền và nhờ:

- Rồi, tôi hiểu rồi, bà Hiền à, giờ có 2 người nói, bà cũng không thể cãi được nữa. Bà à, chúng ta ai cũng phải làm nhà và đều phải nhờ hàng xóm, láng giềng, đó là chuyện tất nhiên. Nhưng chúng ta cũng không nên ảnh hưởng quá lớn đến sinh hoạt chung của các gia đình khác vì nhà mình. Bà làm nhà mà bà làm thế thì có nên không, hàng xóm tối lửa, tắt đèn có nhau đúng không, vì vậy mà không nên cãi nhau, mình sai, người khác góp ý thì nên lắng nghe. Chưa kể, hành vi của bà còn vi phạm

pháp luật về xây dựng, có thể bị xử phạt vi phạm hành chính đây.

Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng đã quy định hành vi vi phạm quy định về trật tự xây dựng như sau:

*“1. Xử phạt đối với hành vi thi công xây dựng không che chắn hoặc có che chắn nhưng để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh hoặc để vật liệu xây dựng không đúng nơi quy định như sau:*

*a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ hoặc công trình xây dựng khác;*

*b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với xây dựng công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.”*

Bà Tâm từ tốn nói tiếp:

- Các ông bà bình thường rất quý nhau, to tiếng là không nên, việc tập thể, nếu không

giải quyết được thì cứ đến gặp tôi, tôi sẽ lắng nghe và giúp mọi người, có được không?

Bà Hiền lúc này đã nhìn ra cái sai của mình, bà cũng không dám to tiếng nữa mà chỉ tự rút kinh nghiệm để chú ý những việc các ông bà trong xóm góp ý...

Tuần sau, khi đang ngồi uống nước ở nhà, bà Tâm thấy bà Hiền sang chơi, vừa thấy bà Tâm, bà Hiền vội rút cám ơn bà Tâm, nhờ bà mà bây giờ mọi người đã gần bó với nhau như trước rồi, bà cũng đã nhận ra cái sai của mình, vì việc riêng mà ảnh hưởng đến cuộc sống của bà con làng xóm. Sau khi được bà Tâm nhắc nhở, bà đã xếp gọn các vật liệu, cấm cành cây che chắn và thường xuyên quét dọn nên mọi người đều không nói gì nữa.

Bà Tâm nghe vậy cảm thấy rất vui, bà nắm tay bà Hiền và nói:

- Đúng vậy, chuyện nhỏ mà, chúng ta phải cùng đoàn kết xây dựng thôn xóm ngày càng văn minh, hạnh phúc mới là điều quan trọng nhất./.

---

## MỘT VỤ VIỆC THÀNH CÔNG CỦA... (tiếp theo trang 27)

tiết giảm nhẹ như người phạm tội thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để đề nghị Hội đồng xét xử, cho bị cáo N.V.T.A được hưởng mức hình phạt Cải tạo không giam giữ.

Trong giờ Hội đồng xét xử nghị án trợ giúp viên hội họp trông đợi vào đề xuất của mình. Em N.V.T.A chỉ mới tròn 16 tuổi đang học trường Trung học phổ thông Phú Lộc, huyện Phú Lộc, nếu chỉ vì sự nóng nảy, bồng bột nhất thời của mình mà phải chấp hành án tù giam thì phải từ bỏ những năm đèn sách cuối cùng kết thúc tuổi học trò ở bậc trung học phổ thông và cuộc sống sau này sẽ đi về đâu khi bản thân em chưa có tấm bằng Trung học

phổ thông. Những trăn trở, nghĩ suy mong sao người trợ giúp pháp lý dưới 18 tuổi này được Hội đồng xét xử tuyên phạt “Cải tạo không giam giữ” ...

Trước những chứng cứ và lập luận chặt chẽ của trợ giúp viên mà từ hình phạt tù giam của đại diện viện kiểm sát đề nghị xử phạt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo N.V.T.A hình phạt “Cải tạo không giam giữ” theo đề nghị của Trợ giúp viên. Niềm hạnh phúc vỡ òa sau phiên tòa để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc về niềm vui bào chữa thành công cho bị cáo, hơn bao giờ hết tôi thấy yêu nghề Trợ giúp pháp lý, nghề nghiệp đã đem đến cơ hội cho những người dưới 18 tuổi phạm tội, giúp cho em làm lại cuộc đời đang chờ đón ở phía trước.

P.T.T.T

# TIN TỨC TỔNG HỢP: HOẠT ĐỘNG NGÀNH TƯ PHÁP QUÝ III/2023

## HOẠT ĐỘNG TẠI CẤP TỈNH



Ngày 23/6/2023, Sở Tư pháp phối hợp với UBND huyện A Lưới tổ chức Hội nghị giao ban công tác tư pháp 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023. Hội nghị do đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Tư pháp và đồng chí Hồ Văn Ngưng - Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch UBND huyện A Lưới đồng chủ trì. Hội nghị đã ghi nhận thành tích công tác tư pháp đạt được, cũng như phân tích những hạn chế, tồn tại trong công tác tư pháp trong 6 tháng đầu năm và triển khai công tác 6 tháng cuối năm 2023. Kết luận Hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Hưng yêu cầu các đơn vị nghiên cứu, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương và nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp 6 tháng cuối năm để đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch công tác; đồng thời đề nghị Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục phối hợp với Sở Tư pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác tư pháp tại địa bàn; hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Ngày 21/6/2023, Sở Tư pháp đã tổ chức Hội thảo góp ý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Hội thảo do đồng chí Nguyễn Thanh Sơn - Phó Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, với sự tham dự của đại diện Lãnh đạo của một số cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện; đại diện một số tổ chức công chứng, đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh; đại diện Đoàn Luật sư tỉnh, Hội Luật gia tỉnh và Đại học Luật - Đại học Huế.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe trao đổi, thảo luận về các nội dung sửa đổi quan trọng và một số vấn đề còn nhiều vướng mắc tại dự thảo Luật, như: Quy định tiêu chuẩn, điều kiện đấu giá viên, điều kiện hành nghề đấu giá; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đấu giá để thực hiện chuyên đổi số trong hoạt động đấu giá; trình tự, thủ tục đấu giá đối với một số loại tài sản đấu giá đặc thù,... Nhìn chung, thông qua Hội thảo, các nhà quản lý, nhà khoa học và các chuyên gia đã có những ý kiến, đề xuất quan trọng, có giá trị đóng góp sâu sắc trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật.



Chiều ngày 31/7/2023, đồng chí Nguyễn Thanh Sơn - Phó Giám đốc Sở Tư pháp đã chủ trì tiến hành công bố Kết luận thanh tra số 1657/KL-STP của Giám đốc Sở Tư pháp về kết quả thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về công chứng, chứng thực đối với Văn phòng công chứng Lê Đức Khánh (phạm vi thanh tra từ ngày 02/01/2021 đến 31/12/2022).

Phát biểu tại buổi công bố Kết luận thanh tra, đồng chí Nguyễn Thanh Sơn yêu cầu Văn phòng công chứng tổ chức chấn chỉnh đến công chứng viên, nhân viên nghiệp vụ rút kinh nghiệm, có giải pháp cụ thể để khắc phục kịp thời các sai sót; nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật có liên quan và kiểm tra tính xác thực của các chủ thể tham gia hợp đồng, giao dịch, các giấy tờ có tại hồ sơ để đảm bảo hồ sơ công chứng và nội dung hợp đồng, giao dịch nhằm hạn chế phát sinh tranh chấp; đồng thời



giao Thanh tra Sở tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra đối với Văn phòng công chứng Lê Đức Khánh và báo cáo kết quả khắc phục các sai sót, vi phạm theo quy định pháp luật.



**Ngày 04/8/2023, Sở Tư pháp tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình thực hiện mô hình số 08 “Toàn bộ các cơ sở công chứng, chứng thực bảo đảm điều kiện cho người dân sử dụng căn cước công dân gắn chip hoặc VneID khi đi công chứng, chứng thực thay cho các loại giấy tờ”.** Hội nghị do đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì.

Mô hình số 08 là một trong 24 mô hình đang được triển khai tại tỉnh Thừa Thiên Huế theo Kế hoạch phối hợp của Bộ Công an và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh. Tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Văn Hưng đã nhấn mạnh, chuyên đề số là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, do đó, đồng chí đề nghị các tổ chức hành nghề công chứng tích cực hưởng ứng, tham gia đề sớm đạt được mục đích chuyển đổi số quốc gia.

## HOẠT ĐỘNG TẠI CẤP HUYỆN



**Sáng ngày 22/6/2023, UBND thành phố Huế tổ chức hội nghị phổ biến văn bản pháp luật mới năm 2023 cho hơn 220 đại biểu là cán bộ công chức, viên chức toàn thành phố nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho cán bộ công chức của thành phố, kịp thời nắm bắt được các quy định mới của pháp luật.**

Tại Hội nghị, các đại biểu được nghe các Chuyên đề về: Triển khai phổ biến Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Triển khai phổ biến Luật Phòng chống, bạo lực gia đình; Triển khai phổ biến Luật Bí mật nhà nước, các văn bản liên quan và thực trạng tình hình công tác bảo vệ bí mật nhà nước, những vấn đề liên quan an ninh trật tự... Đây là những văn bản pháp luật quan trọng, có liên quan đến quyền con người, quyền công dân cũng như các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước nhà nước; do vậy, sau hội nghị kết thúc, các đại biểu tiếp tục chủ động nghiên cứu chỉ đạo, tham mưu, thực hiện đúng quy định pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị và tại cơ sở.

**Ngày 27/7/2023, Phòng Tư pháp huyện A Lưới tổ chức Hội nghị tập huấn, hướng dẫn thao tác nghiệp vụ thực hiện 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông và chứng thực.**



Các báo cáo viên tại Hội nghị đã trình bày và hướng dẫn về thực hiện thao tác tiếp nhận, xử

lý, trả kết quả 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông: “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng”; đồng thời giải đáp một số vấn đề khó khăn, vướng mắc trong hoạt động chứng thực cho hơn 50 đại biểu là công chức Tư pháp - hộ tịch, Văn phòng - thông kê trên địa bàn huyện.



*Sáng ngày 31/7/2023, UBND huyện Phú Vang đã tổ chức hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ giáo viên trên địa bàn toàn huyện. Tham dự hội nghị với sự tham gia của Phòng giáo dục và đào tạo, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và đại diện của 56 trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn huyện.*

Hội nghị được tổ chức trên cơ sở Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật chung của tỉnh, việc tổ chức tập huấn các kiến thức pháp luật cho cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên đã thể hiện được vai trò và tầm quan trọng của công tác PBGDPL trong trường học, qua đó cũng đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ và đạt được kết quả nhất định.



*Ngày 16/8/2023, UBND huyện Phú Lộc đã tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác xử lý vi phạm hành chính năm 2023 và triển khai Quy*

*chế phối hợp trong quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.*

Tại Hội nghị, các báo cáo viên đã giới thiệu các quy định chung về pháp luật xử lý vi phạm hành chính; Hướng dẫn liên quan đến thủ tục nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước huyện; Một số quy định liên quan đến quốc phòng và lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng; Các nội dung về Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; Một số khó khăn, vướng mắc và hướng dẫn xử lý trong thực thi pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính,... Qua đó, giúp đội ngũ lãnh đạo, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nắm vững các kiến thức mới về xử lý vi phạm hành chính, góp phần tích cực vào việc giữ gìn trật tự, kỷ cương, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.



*Thực hiện Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 20/6/2023 của Hội đồng Phối hợp Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Kế hoạch tham gia Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ IV (Hội thi), ngày 23/8/2023, lãnh đạo UBND huyện Quảng Điền đã có buổi gặp mặt với các thành viên của Đội thi.*

Tại buổi làm việc, đại diện lãnh đạo UBND huyện Quảng Điền đã nghe Phòng Tư pháp và đại diện Đội thi báo cáo các nội dung liên quan đến công tác chuẩn bị tham gia Hội thi; đồng viên các hòa giải viên phát huy năng lực để Đội thi đạt được kết quả tốt nhất. Đồng thời cũng lưu ý Phòng Tư pháp ghi hình đăng tải các bài viết, hình ảnh, video nhằm phục vụ xây dựng phong sự hoạt động Ngành Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như phục vụ tư liệu của Hội thi trên toàn quốc theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.